

Năm thứ hai — Số 51  
Tuần - lễ từ thứ tư 17  
đến thứ ba 23 Juin 1942

# TRi TÀN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần

Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

## Trong số này :

|                                                          |                |
|----------------------------------------------------------|----------------|
| Victor Tardieu tiên-sinh với trường Mỹ-thuật             | Hoa-Bằng       |
| Tra nghĩa chữ nho (V)                                    | Nguyễn-văn-Tổ  |
| Quan thượng Nguyên Gia-Phan với<br>vua Gia-Long          | Trúc-Khê       |
| Những ông nghệ triều Lê (XXIV)                           | Ứng-Hòe        |
| Tri-Tân « cồng Mu »                                      | Phạm Minh-Phan |
| Khói trăm quỳen lãn hương sen                            | Trịnh-Vân      |
| Xứ Algérie                                               | Nhật-Nham      |
| Tài-liệu để định-chính những bài văn cổ (XXVIII)         | Ứng-Hòe        |
| Tây, Nam đặc hằng (II)                                   | Nguyễn-Triệu   |
| « Thi khuyển châu hằng gươm nghe ai... »<br>(chuyện thơ) | K. H.          |
| Một lỗi thử tài học trò nho xưa                          | Chu-Thiên      |

Có ảnh

HỌA-SU VICTOR TARDIEU

### GIÁ BẢO

Mỗi số 1 năm 6p80  
10 xu 6 tháng 8. 50  
3 — 1. 80

Công sở giá gộp đôi



# VICTOR TARDIEU TIỀN-MỸ-THUẬT

**T**RONG bài «Lịch trình nghệ ấn loát Việt nam» (T. T. số 49, trang 2,3,4,21), tôi có viết: «Trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Hà-nội đã có ảnh hưởng lớn đến nghệ ấn-loát ở xứ này...» Phải, chẳng những riêng đối với nghệ ấn-loát, mà nói rộng ra, trường ấy còn có công lớn trong cuộc cải tạo mỹ-thuật Việt-nam nữa.

Nay nhân ngày kỷ-niệm ngũ chu-niên Victor Tardieu tiên-sinh mà anh em trong trường Mỹ-thuật bấy nay vẫn kêu bằng một danh hiệu rất đông phương, rất thân mật là «cu Tạc», tôi tưởng nên nói kỹ hơn về trường Mỹ-thuật này, cái lò từ nay đào tạo được nhiều tay nghệ-thuật tài-hoa đã góp công vào cuộc tiến hóa chung của đất nước.

Trước khi nói đến lịch-sử và ảnh hưởng của trường Mỹ-thuật Đông-dương (École des Beaux-arts de l'Indochine), tưởng nên nhắc qua thân-thể và sự nghiệp của họa sư Victor Tardieu, một nhà nghệ sĩ chân tài có quan hệ mật thiết đến trang lịch-sử văn hóa cận-đại Việt nam, mà bữa 14 juin 1942, mỹ-thuật giới và tri-thức giới ở đây đã làm lễ kỷ niệm giữa một buổi sáng sấm-sập sa mưa, cỏ cây mừng được nhuận tươi trong cơn êm-đềm mát mẻ. (Xin coi thêm bài tường thuật của họa

sĩ Trịnh Văn ở trang 16).

Sinh năm 1867, mất năm 1937, họa sư Victor Tardieu là người đầu tiên đặt hòn đá góc nhà để



Ảnh Victor Tardieu t.ân-sinh  
(Cliché «Tin Mới»)

xây-dựng cho xứ này một cái lâu-đài Mỹ-thuật tráng lệ nguy-nga.

Chính tiên sinh đã «đề» ra trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương, rồi do trường này đào tạo, nhiều tay thanh-niên Việt-nam được thành tài về mọi phương diện như hội họa, điêu khắc và kiến trúc, đã có tên tuổi trong mỹ thuật giới Đông Tây, đã làm quảng cáo cho non sông đất nước.

Trải bao nhiêu bước bốn lầu khó khăn, tiên sinh mới vận động

được việc lập ở Hà-nội một trường Mỹ-thuật. Sau khi nó đã khai sinh, tiên sinh lại phải tốn bao tâm lực mới duy trì cho nó đứng vững được đến ngày nay.

Có lần, ở Kinh tế đại-hội-nghị (Grand conseil économique), người ta cho rằng trường Mỹ-thuật chỉ làm tốn tiền của ngân-sách, chứ chẳng mang lại cho chính-phủ một ích lợi gì. Rồi người ta yêu-cầu đóng cửa trường lại. Người ta muốn cho mấy thanh niên đang theo đuổi nghệ-thuật kia quay về làm ruộng, tập lấy cái nghề sinh sản thóc lúa, khỏi phải chạy rong trong khi hết gạo còn hơn.

Nhưng, với nghị lực, với kiên nhẫn, với tinh thần hi-sinh vì nghệ thuật, tiên sinh không rùn chí, không ngã lòng, cứ tranh-đấu, cứ chống lại hết thầy trở-lực. Rồi nhờ sức tiên-sinh vận-động với các nhà cầm quyền, trường Mỹ-thuật lại được người ta nhìn bằng con mắt thiện cảm. Còn về phần nhà trường, tiên-sinh cứ gắng sức làm việc để cho càng ngày càng tấn-tới hơn..

Có khi đau-giết vì làm việc quá độ, tiên sinh buộc phải vào nằm nhà thương, nhưng không bao lâu, tiên sinh lại muốn gượng bịnh, quay về nhà trường để cứ tiến hành mọi việc và diu dắt môn đồ, dù thể nào thì thể.

Đối với các học sinh trong

# SINH VỚI TRƯỜNG HÀ-NỘI

HOA-BÀNG

trường, tiên-sinh xử rất ân cần, chu-tri, khiến những người đã thụ nghiệp nơi tiên sinh có cái cảm-tưởng như được sống trong bầu không-khí gia đình êm đềm, thân mật, yêu thương. Chẳng những vậy, tiên sinh lại cương quyết bênh vực họ nếu một khi quyền lợi họ bị ai xâm phạm.

Trong khi ngồi ghế giám-đốc nhà trường, tiên-sinh năm nào cũng săn-sóc trông-coi hết thấy những yếu-điểm rất khó trong chương-trình học từ niên khóa thứ nhất đến niên-khoá thứ năm.

Không màu-mỡ, không xa-hoa, không kiểu-cách, tiên-sinh cặm-cui cần-cù lần bước trên đường nghệ-thuật với một cuộc đời sinh-hoạt theo lối dễ-dãi, đơn sơ. Hằng ngày, người ta thường thấy ánh đèn ở phòng làm việc báo hiệu tiên-sinh thức khuya dậy sớm.

Đề bênh-vực và dẫn-đạo cho các học-sinh đã tốt-nghiệp được dễ-dàng trong đường đời, để giúp các nghệ sĩ có cái cơ-quan trình-bày tác-phẩm, và để hấp-dẫn các nhà công-nghệ được gần-gũi nghệ-thuật tiến bệ thâu thái kiểu-mẫu và nâng cao nghề mình, tiên-sinh sáng lập ở đây một hội khuyến-khích về mỹ-thuật và kỹ-nghệ, tức là «Việt-nam mỹ-thuật kỹ-nghệ hội» mà hiện nay ông Charles Lacollonge đương đứng lãnh-đạo đấy.

Trải hơn 15 năm gánh cái thiên-chức thiêng-liêng đối với nhà

trường, đối với học-trò, tiên-sinh đã làm phu được tấm lòng ủy thác của chính-phủ Pháp và phải được thâm ý kỳ-vọng của giới nghệ-thuật ở xứ này.

Khoảng năm 1936, tiên sinh gặp ông Lê Văn-Đệ ở Paris. Tiên sinh, trong khi nói chuyện, tỏ ý phó thác trường Mỹ thuật vào tay mấy bạn thanh niên Việt-nam ta đầu tiên được nhờ giáo dục của trường ấy mà thành tài.

Phải, tiên tri giác hậu tri, tiên giác giác hậu giác: đó là bốn phận của những ai đã được tấm gọi ăn trách giáo dục về phương diện mỹ thuật tất phải lần hồi đem cái sở học mà chỉ dẫn lớp hậu tiến, khiến cho bước tiến triển của nhà trường mỗi ngày một rộng hơn, to hơn và cao hơn, rồi do đó tiền trình của nền mỹ thuật Việt nam mới mong có một tương lai thật tốt-tươi rực rỡ.

Victor Tardieu tiên sinh dần dần liệt sức vì quá nỗ lực, cái nỗ lực có hạn của người đời!

Rồi qua ngày 12 juin 1937, tiên sinh, xa gia đình, vắng vợ con, vĩnh biệt các anh em trường Mỹ-thuật sau mấy bữa nằm trên giường bịnh ở nhà thương Saint Paul, gieo một cái tang chung trong nghệ thuật giới Nam-Việt.

Tới nay, người ta, trong thăm-tăm, vẫn nhìn nhớ rằng, đến phút cuối-cùng, tiên sinh hãy còn nhắc-nhóm suy-nghĩ đến trường

Mỹ-thuật Đông-dương mà chính tay tiên-sinh đã sáng-lập bằng cái tinh-thần «cúc cung tận tụy».

Hột thóc giống tuy chết đi, nhưng do nó lại nảy ra cây mạ xanh tươi rồi thành cây lúa giỗ bông kết gié. Cái hi-sinh của hột thóc giống thật có ích-lợi cho tương lai.

Họa sư Victor Tardieu mất đi, nhưng trường Mỹ thuật, con đẻ tinh-thần của tiên-sinh, còn sống đời đời. Như vậy tiên-sinh vẫn là bất hủ.

Trường Mỹ thuật Đông-dương được lập tại Hà-nội từ đầu mùa đông năm 1925 (1).

Ban đầu nó là một cái xưởng bô không của sở Xe lửa ở Phố Reinach, sau được sửa lại làm thành một nơi tụ-tập các họa tay và trình-bày các tác-phẩm về mỹ thuật, rồi từ đó được mang cái danh hiệu tốt đẹp: Trường Cao-đẳng Mỹ thuật Đông-dương.

«Lớn-chỉ của trường là dung-hợp tự-nhiên với truyền-thống, khiến học sinh phải quan-sát và biểu-diễn tự-nhiên theo những nguyên tắc mỹ học phổ thông của loài người và phát-xiển những tinh thần đặc-biệt của nghệ thuật Việt nam và đông phương, khiến học sinh lãnh hội lấy cái đẹp của nghệ thuật xưa và hiểu rằng nó vốn có quan hệ mật thiết với mình...» (2)



Trong trường chia làm ba ban: Hội họa, điêu khắc và kiến trúc, đều chịu dẫn đạo dưới quyền chỉ-phối của họa sư V. Tardieu. Ban hội họa thành lập trước, rồi dần dần đến hai ban kia sau.

Ban đầu, như trên đã nói, trường này bị người ta hắt-hủi, âm le những toan đóng cửa, nhưng từ sau cuộc triển lãm lần thứ nhất bày các tác phẩm của học sinh trong trường để công-chúng vào xem, người ta phải ngạc nhiên trước những thành tích rất rực rỡ. Một nhà cầm quyền ở đây đã phải khen ngợi trước khi ra khỏi phòng triển lãm: « Mỹ thuật này rất đáng khuyến khích... »

Cuộc triển lãm đầu tiên ấy đem lại cho nhà trường những ảnh hưởng rất sâu xa và kết quả rất tốt đẹp: dư luận các giới phải chú ý đến; những kẻ phản động phải hạ khí giới « cừu địch »; bạn hữu ủng-hộ mỗi ngày một nhiều...

Dự cuộc đấu xảo thuộc địa năm 1931, các tác phẩm của trường Mỹ thuật Đông dương làm cho hết thấy báo chí ở Paris đều phải lớn tiếng khen tặng; người bên chính quốc phải nhìn các nghệ sĩ Việt nam bằng cặp mắt khác thường. Đó là khởi-diễm của nhà trường nhẹ bước trên đường vinh-quang.

Rồi do cái đà ấy, trường Mỹ-thuật cứ lần lượt nhận được vòng hoa thưởng tưởng do mọi nơi trao tặng: năm 1932, ở Rome (Ý); năm 1934 ở kỳ đấu-xảo quốc-tế tại Milan (Ý); năm 1934, ở cuộc triển-lãm thuộc-địa tại Naples (Ý); năm 1935, ở Bruxelles (Bỉ); năm 1937, ở San-francisco (Mỹ) và cùng năm ấy ở cuộc triển-lãm tại Paris (1937).

Từ đó, trường Mỹ-thuật, đối với xã-sở, đã có một lực-lượng

khá mạnh; đối với nền văn-hóa Việt-nam, đã tỏa ra rất nhiều ảnh-hưởng, ảnh - hưởng đến mọi phương-diện như xã-hội sinh-hoạt, tri-thức sinh-hoạt và kinh-tế sinh-hoạt ở xứ ta.

..

Nếu đề ý quan-sát những sự vật ở quanh ta đã thay đổi biến-thiên theo hoàn-cảnh và thời-gian, ta rất dễ nhận thấy trường Mỹ-thuật đã đánh dấu cái trình tự tiến hóa của nền nghệ thuật bằng những nét rất quan trọng trên trang lịch-sử văn-hóa nam-Việt;

Từ những tấm tranh tết « con cóc dạy học », « đám cưới chú chuột »..., ta đã bước sang lối hội họa có phương pháp, có viễn vọng, có màu sắc hòa hợp nhau, gây được hứng thú về mặt thẩm mỹ. Những tấm tranh lụa, tranh sơn của những ngọn bút nổi danh bày trong các phòng Triển-lãm bấy nay đã làm chứng một cách rõ rệt như thế.

Về nhà cửa, những nếp nhà cổ hoặc cổ diêm thấp xè, hoặc kèo cột lằng cằng dần dần nhường chỗ cho những ngôi nhà tân thời ba, bốn tầng đồ sộ nguy nga do các kiến trúc sư vẽ kiêu.

Về phục sức, dựa theo những kiêu thời trang do một vài họa sĩ thả ra, các bạn gái đua nhau cải cách ăn mặc, may sắm những bộ áo tân thời. Nhưng vì quan-niệm hiểu sai hai chữ « mỹ thuật » và lạm dụng cái nghĩa « tân thời », nên lắm khi sự ăn mặc quá kêu gọi, quá lố lăng lại làm mang tiếng cả những người đã có sáng-kiến cải cách về y phục. Dẫu sao, đó cũng là những dấu hiệu bề ngoài để ghi một bước tiến hóa về phần hình thức của một dân-tộc.

Ngoài đó ra, những phương diện khác như nghề dệt lụa ở Hà-dông, nghề thêu, nghề làm giấy ten,

nghề sơn, nghề đắp nặn, nghề in, nghề chạm-trổ, nghề làm đồ gỗ... đều có chịu ảnh hưởng của trường Mỹ-thuật chẳng ít thì nhiều...

Nói tóm, trường Mỹ-thuật đã góp công lớn vào cuộc tiến hóa chung ở xứ này. Suy nguyên-cớ ấy, người ta, hằng năm, không quên đặt cái vòng hoa trước pho tượng bán thân V. Tardieu tiên sinh, mỗi lần gặp ngày kỷ niệm nhà nghệ-sĩ chân tài ấy.

HOA-BẮNG

1) Trong « Việt-nam văn-hóa sử cương » của Đào Duy-Anh, trang 207, nói là « Từ năm 1924 », nhưng thực ra, trong năm 1924 mới là thời-kỳ cổ-đội g; còn trường Mỹ-thuật thì mãi đến mùa đông năm 1925 mới lập.

2) Đào Duy-Anh: « Việt-nam văn-hóa sử cương » trang 207-208, Quan hải tàng-thư, Huế, xuất bản, nhà in Mirador in, 1938.

3) Để viết bài này, ngoài những sách báo dùng để kê-cư của tôi và tài-liệu do họa sĩ Trịnh-vân kếm giúp, tôi còn tham khảo bài diễn-văn của họa-sĩ Lê Văn-Đệ đọc tại phòng Thương-mại bữa 14 Jun 1942. Lại được bạn Bạch-Diện ở báo « Tin Mới » cho mượn cái cliché ảnh « cụ Tạc ». Xin thành-thật cảm-lạ các bạn.

**ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN**

195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

**Mẹo chữ Hán**

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

**Giá 0\$35      cước 0\$06**

Gửi bằng tem (cò) cũng được.  
Không gửi lối Nhân hóa giao ngân



# TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 5

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỔ

Ở trang 59 quyển *Tâm nguyên từ-diễn*, dưới chữ *chay*, nên chưa rằng chữ *trai* có hai nghĩa : một là trong-sạch (tức là *trai* và kính-cần (tức là *giới*) Người đời xưa trước khi tế-tự phải *trai* - giới : tắm gội thay áo, không nống rơm, không ăn tỏi, nghĩa là một lòng một dạ (sở dĩ nhất kỳ tâm chí) để tiếp thần-minh. Kinh *Lễ* chép : « Trước khi ăn chay, phòng tà-vật, ngăn ham-muốn, tai không nghe nhạc, lòng không nghĩ bậy, chân tay không làm việc cầu-thả, chăm chú cái đức hạnh tinh - minh : như thế mới có thể giao-tiếp với thần-minh.

Chữ *trai* - giới còn một nghĩa nữa, là sửa mình, xét mình (tu - tỉnh diệc vị chi *trai*-giới). Com nhà sư cũng có khi gọi là *trai tăng*. Còn *trai* - đàn là nơi tế giới (tế thiên chi sở) : nay chỗ tăng-đạo thiết - lập để tụng kinh triều lễ cũng gọi là *trai*-đàn (chép theo *Từ-nguyên*).

Ở trang 59, dưới chữ *cháy* thành *vạ* lấy, nên chưa rằng theo quyển *Quảng-vận* (ở chữ *7 ri*, vận thượng bình, tờ 21 a) đời Hán có họ *Tri* tên *Trọng-Ngư* ; cửa thành bị phát hỏa, *Trọng-Ngư* chết cháy, cho nên có câu : « Thành môn thất hỏa, ương cập *Tri-Ngư* », ý nói không có duyên-cớ mà chịu *vạ* lấy (dụ vô doan nhi thụ họa dã, chữ *Từ - nguyên*.) Có người lại nói « Thành môn thất hỏa, hỏa cập *tri-ngư* », cửa thành bị cháy, *vạ* lấy đến cá dưới ao ; ao đây là hào dưới chân thành.

Ở trang 60, nên bắt-chước *Từ-nguyên* cắt nghĩa *châm* là rút thêm vào (châm thủ dã,) *chước*

là rút ra (chước hành dã) ; lấy điều phải mà làm cũng gọi là *chước* (thủ thiện nhi hành viết *chước*; chữ *Từ-nguyên*). *Việt-nam từ-diễn* cũng giảng *châm* - *chước* « nghĩa đen là rút đi rút lại mồi nhau (ít dùng), nghĩa bóng là thêm bớt cho vừa ».

Ở trang 61, dưới chữ *chỉ huy*, ông Lê văn Hòe viết nhầm *huy* là vẫy tay, phải chữa *huy* là cờ : hai chữ viết khác nhau.

Cũng ở trang 61, dưới chữ *chim cá*, nên thêm chữ *ngư* - *nhạn*, nghĩa là thơ-từ-tin-tức. *Từ nguyên* dẫn sách *Di bạch trai thi thoại* như sau này : « Cờ - thi có câu : Khách từ phương xa lại, cho ta đôi cá chép, gọi trẻ mồi cá chép, trong có bức thư xịch tố. Trong bụng cá làm sao có thư ? là người đời xưa nói ví việc ăn-mật đó... » Cho nên có chữ *ngư-thư* là thư-trát. Còn chữ *nhạn-túc*, thì *Hán-thư* chép rằng : « Đời Hán, Tô-Vũ đi sứ Hung-nô, không chịu khuất-nhục. Hung-nô đưa Tô-Vũ đến ở Bắc - hải chần dề... Sau Hung-nô cùng Hán, hai nước giảng hòa. Nhà Hán đòi Tô-Vũ, Hung-nô nói dối là Tô-Vũ chết rồi. Thường Huệ sai Hán-sứ báo vua Hung-nô rằng : « Đứng Thiên tử nhà Hán bắt trong rừng được chim nhạn, chân chim nhạn có bức thư bằng lụa, trong thư nói Tô-Vũ ở trong một cái chằm nào đó... » Hán-sứ theo lời Huệ trách vua Hung-nô, Vua Hung-nô ngó tả hữu rất mình, xin tạ lỗi với Hán-sứ và nói rằng : bọn Tô-Vũ thực ở đây... » *Từ - nguyên* chưa rằng : « Người đời sau nói thư tín phần nhiều dùng việc ấy ». Thơ ta có câu : « Bóng chim tăm

## Thống-chế PÉTAIN đã nói :

« Các người phải hành động mà khôi-phục tất cả lực-lượng của nước nhà, để khi lâm : thời, Đại-Pháp có thể làm tron công-cuộc soi đuốc văn - minh giữa một châu Âu đã hòa-hảo với nhau »

cá, biết đâu mà nhìn ? » (Kiều) và câu : « Tịt mù tăm cá bóng chim mấy trùng » (*Hoa tiên*).

Ở trang 62, dưới chữ *chim xanh*, ông Lê văn Hòe quên chữ *thanh*-*điền*. Quyển *Sử ký Tư-mã Tương Như* chép : « May có chim ba chân để sai khiến », và chưa nghĩa : « chim ba chân là chim xanh, chủ về việc lấy thức ăn cho Tây-vương-mẫu ». Cho nên người đời sau nói về việc đưa tin - tức, phần nhiều dùng chữ *chim xanh* (chép theo *Từ-nguyên*). Ông Lê văn Hòe chép chuyện Hán Vũ-đế, Tây-vương-mẫu và Đông phương Sóc, nhưng xét ra không đúng với *Hán Vũ cổ sự* in trong *Việt-nhã-đường từ-ngữ-thư*, quyển 8, *Tục-Đàm trợ*, quyển ba, tờ 31a, nên tôi chép lại ra đây : « Mồng bảy tháng bảy (không chép năm) Hán Vũ đế ăn chay ở điện Quang hoa. Chính giữa trưa, chợt có chim xanh từ phương Tây lại. Vũ đế hỏi Đông phương-Sóc. Đông-phương-Sóc thưa rằng : « Tối nay Tây-vương-mẫu ắt xuống ». Vũ đế bèn mắc màn thờ, đốt hương bồi-mật, hương này do nước Đâu-cừ đem dâng, hương như hạt đậu lớn, bơi ở trong cung, mùi thơm bay ra trăm dặm. Đêm ấy vào hồi bảy khắc, phương Tây không có mây, nghe hình như có tiếng sấm, mà giới lại ánh sắc tía. Được giây phút Vương-mẫu cười từ-xa, ngọc-nữ hầu bên cạnh, đi trên mây, có hai chim xanh đi



giáp bên cạnh Vương-mẫu. Vương-mẫu xuống xe. Vũ-đế đón lấy, mời Vương-mẫu ngồi, xin thuốc « bất-tử ». Vương-mẫu nói : « Nhà vua trẻ tinh chưa bỏ, dục-tâm còn nhiều, thuốc bất-tử chưa thể cho được ». Nhân lấy ra bảy quả đào, Vương-mẫu ăn hai quả, cho nhà vua năm quả... Ở mãi đến canh năm, bàn luận việc đời, nhưng không chịu nói đến việc quỉ-thần, rồi vụt nhiên đi mất. Đông-phương-Sóc ở trong cửa sổ. Chu-diên ròm Vương-mẫu. Vương-mẫu nói : « Thắng này tự làm ra tội-lỗi, bị đầy đả lâu, không được về giới ; nhưng nguyên lòng không ác, rồi sẽ được về giới. Nhà vua nên đối-đãi cho khéo !... » Về việc trộm đào mà ông Lê văn-Hòe đổ cho Đông-phương-Sóc, bộ *Cổ kim tuyết-hải* (Thuyết toàn giáp tập, *Hán-Vũ cổ-sự*, quyển 1, tờ 8 a) chép như sau này : « Đông-quận đưa một người lùn năm tấc, áo mũ đủ cả : Vũ-đế nghĩ là yêu-tinh, với Đông-phương-Sóc đến. Sóc hỏi người lùn ấy rằng : « Cụ-linh, a-mẫu đã về chưa ? » Người lùn không giả nhòl. Đông-phương-Sóc chỏ vào người lùn ấy bảo Vũ-đế rằng : « Vương-mẫu giống đào, ba nghìn năm một lần kết quả : thắng này bất-lương đã ba lần ăn trộm, phạm ý Vương-mẫu, nên bị đầy lại đây ». Vũ-đế giết mình, mới biết Đông-phương-Sóc không phải là người trần-gian. Người lùn bảo Vũ-đế rằng Vương-mẫu khiến người lại bảo nhà vua cái phép cầu đạo, duy có thanh-tinh, không nên vội-vàng. Vũ-đế càng giận, với Đông-phương-Sóc hỏi về đạo... » Đạo ấy là đạo tiên, nhiều nhà khảo-cổ đã kê-cứu đến : độc-giả muốn biết rõ xin xem quyển *Mythologie asiatique illustrée* (Paris, Librairie de France), ở trong 360-362 có

chuyện Tây-vương-mẫu, tiếng quan-thoại đọc là Si-wang-mou.

Ở trang 66, dưới chữ *da thuộc*, ông Lê văn Hòe nói « da sống chưa thuộc chữ Tàu gọi là *cách*... *Cách* lại có nghĩa là bỏ ». Nên chữ là « đòi và bỏ », *Từ-nguyên* cắt nghĩa là « cái dĩa, khư-trừ chỉ dĩa ». Ông Lê văn-Hòe giảng chữ *mã cách khóa thi* là « bọc thầy trong da ngựa : nói chiến-sĩ tử-trận » Nên theo *Từ-nguyên*

*KHOI TRẦM QUÊN LẮN HUƠNG SEN.*

## Lễ kỷ niệm nhà Họa-sư Victor Tardieu năm nay

Cũng như mọi năm, năm nay, chủ - nhật 14 Juin 1942, tại gian khánh-tiết phòng Thương-mại, lễ kỷ-niệm lần thứ năm cụ V. Tardieu họa-sư đã cử-hành một cách trọng-thể.

Giữa những tác - phẩm do các môn-sinh của cụ trưng-bày, trên một bó hoa sen thơm tươi và một lư trầm khói tỏa, bức tượng bán thân của họa sư V. Tardieu đã khiến mọi người ngưỡng - mộ thương tiếc.

Hầu hết các nghệ-sĩ có mặt ở Hà-nội đều đến chiêm-bái trong một bầu không-khí thân-mật và cảm - động.

Mặc dầu giới văn-tầm - tả mưa, một số đông khách - hữu hăm - mộ tài nghệ, tỏ lòng nhớ thương, cũng đến dự lễ.

Ông Charles Lacollonge, hội-trưởng Việt-nam mỹ-thuật kỹ-nghệ hội, thay mặt các giới, đón tiếp quan khách.

Chúng tôi nhận thấy có : Quan Thống - sứ hàm Douguet, cụ Võ-hiền Hoàng-Trọng-Phu, quan cai trị Delligne thay mặt quan Đốc-lý, ông Cédès chánh giám-đốc trường Viễn-đông Bắc-cổ, ông bà Valette thanh-tra cai-trị hồi-hưu, giáo-sư Lebas, ông Goulonbew và ông Bezacier nhân-viên trường Bắc-cổ, ông Roger giáo-sư ban kiến-trúc trường Cao-đẳng Mỹ-thuật và nhiều quan khách khác.

Đúng mười giờ, trong khi mọi

chép là « cố sức đánh trận mà chết » Sách *Hậu-Hán thư* ở chỗ *Mã-Viện truyện* dẫn câu này của Mã-Viện : « Người đại-trượng-phu nên chết ở chỗ chiến-trường, lấy da ngựa bọc thầy ». Đại-trượng-phu đương tử u cương-trường, dĩ mã cách khóa thi nhĩ »,

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

người đứng tra-ng-ngh'êm giữ lễ. Ông Lacollonge cất lời nhắc lại thân-thể và sự-nghiệp của Victor Tardieu tiên-sinh, người đã có công cải tạo nền Mỹ-thuật Nam-việt.

Sau đó họa-sĩ Lê Văn Đề nổi lời, nhắc lại chút ít kỷ-niệm của cụ, và tỏ lòng biết ơn của nhóm môn-sinh đã được hưởng cái công ơn đào-tạo tốt-đẹp của Họa-sư.

Chúng ta ai cũng biết bạn Lê Văn-Đề, họa - sĩ có tài, đã là nhân viên của một nghệ-sĩ hội-hữu Pháp và đã được giáo - hoàng Pie XI tin giao cho nhiệm - vụ trang - hoàng điện Vatican kỷ đầu - xao Paris 1937.

Và chúng ta không quên nhắc lại bức tượng bán-thân cụ V. Tardieu là công-trình tuyệt tác của nhà điêu-khắc Georges Khánh.

Mười một giờ, lễ tất. Mọi người ra về, lòng còn tràn-ngập mến tiếc nhớ - nhưng...

*Hương trầm bay...*

*Hương trầm nhẹ-nhẹ đáng bay...*

*Xiết bao cảm-động phút này thiêng-liêng !*

*Bài - nguit tỏ giải niềm riêng,*

*Món-đồ tưởng nhớ triền-miền quanh*

*Tâm thành ghi chút thâm tình :*

*Gánh ăn, bề nghĩa muôn nghìn*

*tiếc thương !...*

*Tượng mờ khói tỏa mà hương...*

Họa - sĩ TRỊNH VĂN

Coi ảnh ông Charles Lacollonge

ở trang 16



Quan Thượng - thư

## NGUYỄN GIA-PHAN

## VỚI VUA GIA-LONG

TRÚC-KHÊ

**Ô**NG Nguyễn gia-Phan, tên cũ là Thế-Lịch, người làng Thiên-mỗ (nay là Đại-mỗ) huyện Từ-khêm. Quê ông nguyên ở làng An-lũng cũng trong huyện này, con gái thứ của ông Xứng thọ hầu Nguyễn thế-Xứng và là cháu ông Thiệu bảo Khâm quận công Nguyễn thế-Khoa. Năm lên 10 tuổi, qua Tham tụng Nguyễn quý Cảnh ở làng Thiên-mỗ, vốn chỗ họ ngoại, trông thấy lấy làm yêu, đem về nuôi dạy và nhập tịch cho ở làng này, sau lại gả con gái cho nữa.

Ông học văn thông minh, văn chương lỗi lạc, năm 19 tuổi đỗ khoa hương, năm 26 tuổi, đỗ đồng tiến sĩ niên hiệu Cảnh-hung khoa Ất vị (1776). Ban đầu được bổ Hộ khoa cấp sự trung, thụ chức Giám sát ngự sử đạo sơn tây. Vì ông am tường nghề thuốc mà chúa Trịnh Tinh-vương bấy giờ lại là người lắm bệnh, nên ông thường được triệu vào thăm bệnh, do đó mà được kết tri với Trịnh-vương. Chưa bao lâu ông được thăng lên Thiêm sai tri thị nội thư tả Lại phiên, rồi lại dời sang Bộ phiên. Trong năm Chiêu-thống, được thăng chức Tham-trí chính sự kiêm chức Bồi tụng.

Nhà Lê mất, vua Tây sơn tìm đòi ông mãi nhưng ông không ra, đem mẹ đi trốn tránh. Rồi có lệnh sức tìm rất gấp, ông không sao được phải ra. Trong năm Quang-trang, ông được trao chức thị trung Hiệp biện học sĩ. Năm Cảnh thịnh, ông làm đến Lại bộ thượng thư. Đến khi

nhà Tây sơn mất, ông bị bản triều bắt giam mấy tháng ở kinh đô Phú-xuân, sau lại bị giải ra giam ở Bắc-thành, hơn một tháng nữa mới được tha cho về quê nhà.

Trải qua một cuộc biến đổi lớn ấy, từ đấy ông lui về cố hương, định lấy nghề thuốc để sống nốt cái mùa ngày tàn còn sót lại. Nhưng cũng vì ông có nghề thuốc mà sau được vua Gia long lại triệu vào kinh đô vài lần, không những để chữa thuốc mà còn có ý bổ dụng nữa. Nhưng ngoài việc thuốc ông chỉ chối từ. Ông có soạn ra thiên «Thiếp-lý sự-trạng» ghi chép những việc trải qua của đời mình; trong đó, có một đoạn kể việc vào kinh chữa thuốc và đề thơ vào những bức họa-bích cho vua Gia-long.

Tôi có cái duyên may được đọc thiên «Thiếp-lý sự-trạng» ở trong cuốn gia phả nhà họ Nguyễn này, vậy xin trích thuật đoạn ấy ra đây, để góp làm một mẩu sử-liệu về triều vua Thế-Tổ.

«... Năm Ất-sửu (1), ngày 20 tháng 6, có đặc-chỉ từ Phú-xuân (Huê) ra tuyên triệu vào châu. Sợ hãi tới thành (Bắc-thành, tức Hà-nội), được quan tổng trấn (bấy giờ là ông Nguyễn văn-Thành) cấp phát cạo hành trang phu dịch. Giờ Tý, ngày hôm ấy khorí nanh, do tiên-sai-dội là Quý-trung-Ba bộ tổng, ngày đêm đi gấp đường vào kinh. Sớm ngày 27 đến nơi, đứng đợi ở ngoài cửa điện. Quý-trung-Ba vào lâu trước, Hoàng-thượng sai Lại bộ thượng thư Thanh tiết-hầu, Lễ bộ thượng thư Chiêu-đức-

hầu, Lại bộ tả tham tri Hưng nhân hầu ra cửa để lên đón tiếp, dẫn vào trong điện bái kiến. Xong, Hoàng-thượng với lên đứng châu trên thềm, thêm hỏi hồi lâu, rồi sai quân tiên sai đội là Thanh trung-hầu đưa đến nghỉ ngơi tại sở Đò-gia, hằng ngày do nội trù đưa cơm đến; lại phụng ban 30 quan tiền để tiêu dùng.

«Hôm lên đường với vàng, một mình vào kinh, không đem theo đầy tớ; sở này lại không có ai quen thân ở với mình, thành ra cũng có điều chưa tiện. Hoàng-thượng nhân một dụ Lại sơn hầu Vũ Trinh, Qùy giang hầu Nguyễn cát Đồng đến cùng ở làm bạn với mình. Đầy tớ hai ông này đều là người Bắc, sai bảo cũng tiện, chén trà, thuốc, không phải lo thiếu thốn gì nữa. Ở được vài ngày thì Hoàng thượng ngự đến Đò-gia, lòng kỳ đặt ở ngoài hiên, Hoàng thượng ngồi ủy-lạc hỏi rằng: «Hôm nọ từ quê vào đây, đường xa nhọc mệt, trăm chưa muốn phiền, nay thì đã có thể vào châu được chưa?» Thưa rằng: «Thần nhờ thánh-đức bao-dung, nghỉ ngơi đã được khỏe-mạnh, vậy xin cho vào hầu một buổi để được biết rõ quý-mạch, kính dâng phương thuốc, đó là điều đại nguyện của thần».

«Đêm mồng 4 tháng 7, vào khoảng canh năm, Hoàng-thượng sai nội-giám Lân dẫn vào cung Khôn-đức xem mạch. Xem thấy sắc mạch trầm hoạt, ý tất khí trở đờm đọng, lâu thành tích tụ, các thứ thuốc đều chưa giải tán đi được, nên tả-hoả bổ lên, ăn uống



vào oẹ không chịu. Minh bèn kính dâng phượng thuốc, dùng nước mía nước gừng hòa lẫn uống vào (hai phần nước mía đun nóng, hòa lẫn với một phần nước gừng), dùng hai lần thì thấy có công hiệu; kế dùng thuốc điều bổ tỳ vị, Hoàng-thượng thấy ngày dần thanh thái dễ chịu. Ngài vui lòng lắm, mỗi lúc triệu vào cũng lại ban lời khen - ngợi. Các thầy thuốc trước đây tuyên triệu ở Bắc-thành vào như bọn Hiệp-trấn Nguyễn, Thủ-phiên Tá v. v. đến 8, 9 người lại những thầy thuốc từ Quy-nhân đến G.a-định ước 7, 8 người Hoàng-thượng đều ban lộ phí và cấp ngựa trạm cho về; duy mình được đặc mệnh lưu kinh châu chực. Ngài lại thường sai giám lâu bảo với mình, nói ngài sẽ dựng nhà học ở phía đông ngự điện, cử mình dạy những vương-tử vương-tôn; thánh ý như thế, tiên-sinh không nên từ chối xin về nữa. Minh đáp rằng: « Đó thực là điều đại nguyện của người ta. Duy lão-phụ tự nghĩ năm xưa ngộ biến, vì nhà có mẹ già mà phải thất thân thờ nãi, đến nay đã nhiều. Nay nhờ thánh đức bao dong, đủ quá phận thường, dân lại còn dám nhận chức ấy, nhờ ngài đem ý ấy tấu đạt hộ, may mà thánh-minh rủ lòng thương xét, cho được sớm về thì tôi được đội ơn vô cùng. »

« Chuyển này vào kinh, được Hoàng-thượng ban cho ở trong cung cấm, nội-trù cung cấp sự ăn dùng, giường chiếu màn đệm, chèn tàu nệm sập, nhất thiết những vật cần dùng ngày đêm đều do kho trong nội cung-cấp, thỉnh thoảng lại được ban cho những cửa ngon vật lạ. Gặp ngày thông thả, Hoàng-thượng lại thường sai làm thơ, đề vào những bức bình-phong ở ngự sở; lại thường triệu vào hỏi-hàn về các việc cũ. Ông trên dăm thắm, tự biết quá phận, càng lấy làm sợ hãi và xấu - hổ vô cùng.

« Tháng 11 năm ấy, mấy lần nhà xin từ về; Hoàng-thượng thương vì người già mới, chuẩn ý cho, phụng ban 5 nén bạc và 1 trăm quan tiền,

cho về quê quán, ban tứ thật là ưu hậu, người ta ít được thế....

« Về nhà được hơn 4 tháng, tháng mạnh-hạ năm Bình-dần (1806) lại kính tiếp được triệu-mệnh đòi về kinh sư châu chực....

« Sau đây là 8 bài thơ tứ tuyệt bằng quốc ngữ, phụng đề vào 8 bức bình phong (bình phong vẽ lối bách tử, bức nào cũng có lũ trẻ chơi đùa) :

## I

Đề bức vẽ lũ trẻ  
hát múa rước rồng

Giữa giờ chơi chời tượng rồng bay,  
Tượng ấy nhìn xem thực hội này.  
Dựng khúc Chung-tư dâng chúc  
thánh,  
Nghìn thu dằng-dặc phúc càng đầy.

## II

Đề bức vẽ lũ trẻ  
hát múa rước kỳ lân

Rành rành thừa trước dấu lân du,  
Đấu trí khen ai khéo vẽ đồ.  
Kìa lũ nhi đồng đã biết hát,  
Át ngấm câu hát chốn Nghiêu-cù.

## III

Đề bức vẽ đàn trẻ hát múa,  
hai trẻ xem sách

Người múa hát kẻ đua chơi,  
Mở sách sao ai chăm chăm ngồi.  
Ý hẳn say sưa mùi đạo lý,  
Tiếng đàn tiếng địch chẳng vào tai.

## IV

Đề bức vẽ đào đất đắp tường,  
lội ao hái sen

Tường cao với vọt ầy ai xây?  
Từ lúc (1) vui lòng chẳng mỗi tay.  
Hỏi lũ hái hoa : — Chi đó mãi?  
Thưa : — Tìm quân tử lắm dặng  
hag.

## V

Đề bức vẽ mai, chim, trúc,  
đá, đánh cờ, xem cá

Thong xanh, mai bạc, trúc dờn dờn,  
Nghĩa bạn cùng ghi với đá bàn.  
Ca lợi, chim bay, dầm mực thích,  
Cuộc cờ khôn biết thua nào tán.

## VI

Đề bức vẽ dưới thông gãy đàn,  
bên mai đốt pháo

Dưới gốc linh-xuân hợp một đoàn,  
Kìa ai thổi địch, nọ ai đàn!

Mai kia sớm rước tin xuân tới,  
Mường - tượng bên thềm tiếng pháo  
ran.

## VII

Đề bức vẽ trên nhà xem sách,  
dưới sân xỏ ri bắn

Gặp thời được phỉ chi treo cung  
Chân ngựa đường dài mặc rười  
giông.

Coi sách nọ người trên kỹ tịch,  
Nghĩa phượng ắt có dạy nhi-đồng.

## VIII

Đề bức vẽ ngâm thơ đề vách,  
chơi gà đánh cón

Trong chọi gà. ngoài lại đánh cón,  
Trong ngoài nào-nức chốn chu môn.  
Kìa trên vách phẩn đề chi đó,  
Đề chữ thẳng bằng chúc Chí-lớn.

TRÚC-KHÊ

(1) « Từ lúc » tức là từ lai, chữ ở thơ Linh-dài trong kinh Thi, nói dân vui lòng làm việc cho vua như con làm việc cho cha mẹ vậy.

## Sách mới

Tri Tân nhận được :

1. Bổng hạnh - phúc (tập thứ hai) của Lê-văn-Trương, giá 0p 60, do nhà in Cộng-Lực xuất-bản.

2. Đạm-Tiền (tiểu - thuyết) của Lê - đình - Ngân, do Đông-Phương xuất bản.

Sách in đẹp, giấy 190 trang, giá 0p,95.

3. Trần - Can, Lý - Chiêu - Hoàng (kịch lịch-sử bằng thơ đã đăng ở Tri-Tân) của Phan - khắc - Khoan, trong loại sách Quê-Hương, Sách in bằng giấy bản, bìa tranh vẽ của họa - sĩ Nguyễn - đỗ - Cung, và do họa-sĩ Trịnh Văn trình bày, giấy 82 trang, không đề giá bán.

4. Kinh cầu-tự của Huy-Cận. do nhà « Mới » xuất-bản

Sách in bằng giấy bản, giấy 110 trang, giá 0p 85.

5. Bút - Nghiên của Chu - Thiên, một truyện tả mọi khung-cảnh của trường học cổ và những cách thi-cử ngay xưa. Sách giấy ngọt 400 trang, bán 2p.00,

do Hàn - Thuyên xuất - bản.

Xin cảm - ơn các nhà tặng sách và giới - thiệu với độc - giả.



ĐỀ KỶ-NIỆM ĐẦY TUỔI TÔI

## TRI-TÂN CÚNG MỤ

PHẠM MẠNH-PHAN

**T**HỜI-GIỜ lặng-lẽ qua.  
Vừa ngày nào Tri  
Tân chào đời bằng  
một bài phi-lộ gọn-ghe đến nay đã  
một năm tròn.

Một năm qua !

Dưới trời Âu đã bao cuộc đời  
thay, bao chiếc ngai vàng bị lật đổ  
mà riêng đất nước non này vẫn  
yên hưởng cảnh thái-bình lạc-lợi.

Dự cuộc xây-đắp lâu đài « văn-  
hóa », Tri-Tân đã « đứng vào hàng-  
ngũ công-binh » và trong một thời-  
gian ngắn đã mạnh bạo thắng tiến  
trên đường gió mưa.

Một năm qua !

Muốn đánh dấu con đường đã đi,  
nhóm Tri-Tân có tổ chức một tiệc  
trà mục-đích cốt họp mặt các bạn  
làng văn quen biết để mặt nhìn  
mặt, tay cầm tay mà cùng nhau ôn  
lại những ngày gian lao với những  
giờ hoan lạc của một năm trời  
chiến đấu không ngừng !

Bao nhiêu phút khó khăn trên  
con đường đầy gai góc, bao nhiêu  
trở lực vì thời-cực gây nên, nhóm  
Tri-Tân mặc dầu không đầy lòng  
tự ái, nhưng cũng vui vẻ nhận rằng  
vẫn hăng-hái tiến theo chương-  
trình đã vạch và không vì một lẽ  
gì, một thế-lực gì để mất tín-nhiệm  
của mấy nghìn độc giả thân yêu.

Việc làm trong năm vừa qua đủ  
đảm-bảo cho tương lai của toàn  
nhóm.

Trên bước đường xa thẳm, buổi  
nay gặp ngày nhàn hạ, hãy cùng  
nhau nâng chén trà thanh-đạm để  
rồi lấy sức lại cùng nhau vui vẻ  
đi trên con đường văn-hóa.

Buổi họp mặt nhằm ngày 6 Juin  
1942. Hôm đó cũng như những  
ngày qua, trời sao nắng thế ! Gió  
ngừng thổi, người và cây cỏ đều  
như một phôi vì sức nóng. Cảnh

vật như bị thiêu đốt một cách ác  
nghiệt tàn khốc, khiến tôi nhớ lại  
mấy câu thơ của thi-sĩ Thế-Lữ đã  
phác họa cảnh hè oi-ả :

*Nắng thơ ỏi ! nắng thơ ! Ta buồn  
lắm !*

*Nắng gay gắt trên khóm sen  
không thăm ;*

*Gió thờ ơ không động bóng tàn  
cây ;*

*Dưới trời xanh, mây quá trắng  
không bay.*

*Hồ không sóng phời mặt gương  
quá sáng,*

*Thời gian đứng ; sắc hình tro-trên  
đáng.*

*Lòng ta không đủ gấm, không vui  
tươi.*

(Mấy vần thơ)

Trời nắng thế, lòng tôi, trước  
khi ra đi, cũng như tâm hồn thi sĩ,  
đã kém vẻ tươi sáng ; nhưng lúc  
tới chỗ họp mặt của các anh em  
nhà... nhà văn thì khác hẳn.

Vì lúc đó lòng tôi trở lại sáng  
ngời, được gặp các bạn thân yêu,  
được niềm nở chuyện - trò với  
những người mà trong thâm tâm  
còn ôm ấp những điều cao quý.  
Trái tim niên thiếu của tôi đã rạo  
rực vì ngày đó đã cùng đập một  
điệu với những bạn đồng - chí,  
trong khoảng tạm dừng chân đó  
trên đường văn nghệ !

Ngoài các bạn trong tòa soạn và  
ty trị-sự, một số đông các văn  
nhân và bạn hữu đã chẳng quản  
nắng hè gay gắt, xông pha trên  
đường đầy cát bụi mà lấy cuộc  
họp mặt làm vui.

Giáo sư Đặng Thái-Mai với vẻ  
người trầm mặc đang ngồi giữa  
buồng nhướng như mãi suy-nghĩ  
về một vấn đề triết học cao sâu...  
Bạn Trần Huy-Bá sau những giờ  
oải cùi ở trường Bác-cổ đang vui

về chuyện văn với các bạn như đề  
quen những giờ khắc khổ. Ông  
Liên-Giang ở cuối phòng đang,  
ng nghiêm trang trong bộ quốc phục  
Nhà nho Trúc Khê đối mới tinh toa  
ngay đối diện như tìm các lý lẽ để  
môt phen bút chiến với Phan Khôi  
trong Nam ! Thi-sĩ Thùỵ-Thiên  
với vẻ người phong lưu nho nh  
họa sĩ Trịn Vn sơ-sai trong bộ  
âu-phục mùa hè, thi sĩ Đan Tâm  
nhanh nhẹn gọn gàng trong bộ đồ  
trắng, bạn Vũ-Nhật từ Lào qua  
chơi đất để đồ cùng một số đông  
các bạn khác cũng có mặt tại phòng.  
Bạn Lê Thanh vừa « nếm » xong  
cung sốt sáng đáp lại tiếng gọi của  
Tri-Tân.

Một người lên tiếng hỏi :

—Cụ Ứng hộc có đến không ?

Ông chủ nhiệm vội trả lời :

— Cụ đã xin kiếu và hiện cụ đang  
viết cho báo ta trong Bác-cổ.

..

Các bạn đến đã gần đông đủ  
chỉ thiếu có vài người !

Năm giờ chiều.

Tri-Tân bắt đầu « cúng Mụ ».

Ông chủ nhiệm Tiên Đàm kính  
cần đứng lên ứng khẩu vài lời khấn  
Mụ :

Thưa các ngài, các bạn,

«Tôi xin phép thay mặt ty tr  
sự, tòa soạn cảm tạ các ngài, các  
bạn đã không nề hà đường xa, dặm  
thăng, nóng nực đến dự tiệc trà  
thanh đạm này.

«Nhỡ ra tôi cũng không dám  
dài giòng văn tự vì giới thi nóng  
mà các ngài các bạn đã đi qua cả  
một «con đường sạn đạo» mới đến  
đây, khác nào vào Ba Thục, Tây-  
Xuyên.

« Theo phong tục ta » thi, kh  
trẻ con đầy tuổi tôi, các nhà  
thường hay «cúng Mụ» để cầu  
cho trẻ hay ăn chóng lớn.

«Tri-Tân ra đời ngày 3 juin 1941  
đến nay vừa đầy tuổi tôi, chúng  
tôi xin phép theo tục nước nhà  
«cúng Mụ» cho tập chí.

«Tục ta lại tin có 12 bà Mụ,  
nhưng hôm nay Tri Tân đã có đến  
(xem tiếp trang 16)



# Tài-liệu để định-chính những bài văn cổ...

Số 28

Ứng-Hồ NGUYỄN VĂN-TỐ

CIII

## Tây-hồ phú (1)

Nhời dẫn (bằng chữ nôm dịch ra quốc-ngữ). — Tiết hạ-tri năm tân dậu hiệu Bảo-hưng (1801) làm lễ mùa hè vua (là Nguyễn-quang-Toản, 1792 1802 nhà Tây-sơn) tế đàn Phương-trạch ở Hồ Tây (thành Hà-nội) sai hương-cống nhà Lê là Chương-lĩnh-hầu (Nguyễn Huy-Lượng) làm phụng-ngự bộ Lễ soạn một bài thơ và một bài phú. Vua ban thưởng cho hai mươi quan tiền.

Thơ (thuận nghịch đợc):

Đầy voi thực lạ cảnh Tây-hồ !  
Trước bởi khôn thiêng khéo vẽ đồ.

Mây lần nước xanh màu đức ngọc,

Nguyệt lòng hoa thắm vẽ in châu.

Cây la tán rợp từng cao thấp,  
Sóng gầy cầm lái dịp nhỏ to.  
Vầy chốn chốn tiên non nước đủ,  
Tây-hồ giá ấy dễ đâu so !

Phú :

Xinh thay cảnh Tây-hồ ! lạ thay cảnh Tây-hồ ! Trộm nhớ thuở đất ohla chín cõi, nghe rằng đây đá mọc một gò Trước bạch-hồ vẽ ở đây làm hang, Long-quân trở nên vùng đại-trạch ; sau kim-ngưu chạy vào đây hóa vục, Cao-vương doanh tầm mạch Hoàng-đô. Tên nghe gọi Dâm-dâm Lãng-bạc ; cảnh ngắm in tình-chữ băng-hồ. Sắc rờn-rờn nhuộm thức chàm xanh, ngở động biếc chảy lên dòng lẻo-lẻo ; hình lượn-lượn uốn vòng cầu bạc, tường vừng ngân rơi xuống mảnh tho-thỏ. Dư nghìn mẫu nước giới lần sắc, trải bốn bên họa cỏ quên mùa, Đám đất nhỏ

mỏ phượng còn in, kẻ rằng « đài thượng nguyệt », vũng nước vẫn hàm rồng chẳng cạn, người gọi « chấn trung tổ ». Tòa thạch-tháp nọ, nơi tiên đề báu ; chốn thờ-đôi kia, chỗ khách chầu bùa. Đền Mục-lang hương khói chẳng dờ, tay lưới phép hầy ghi công bắt hồ ; quán Trầu-vũ nắng sương nào chuyền, lưới gươm thiêng còn đề dấu đầm rùa. Kể bến nọ quán Thiên-niên lớp-xốp ; cách ngàn kia ghềnh Vạn-bảo nhấp-nhò. Tòa Kim-liên sóng nổi mùi hương, chùa Trấn-quốc tường in vùng Tĩnh-phạm ; hàng cồ-thụ gió giuu bóng nước, trảng Phụng-thiên nhìn sẵn thú Nghi. Vu Dấu Bối-cải rêu đầy nền miếu, cảnh Bà Đanh hoa khépcửa chùa. Trông mơ-màng nhường lĩnh thừa nơi kia, ba tổ trước cuối làng kêu chích-chích ; nghe phảng-phất ngở động hoa mái nọ, mấy tiếng gá trong trại gáy o-o. Lò Thạch-khoi khói tuôn nghi-ngút, ghềnh Nhật-chiều sóng dậy y-ô. Rập-rình gót bãi đuổi nheo, thuyền thương-khách cheu bướm bướm-bướm ; thanh-lãnh đầu hồ cồ-ngựa, tháp cao-tầng hé cửa tà-vô. Chày Yên-thái nện trong sương chênh-choáng, đập Nghi-tâm ngầu ngọn nước quanh-co. Liều bờ kia bay tơ biếc phất-phơ, thoi oanh ghẹo hai phượng dệt cử ; sen vũng nọ nầy tiển xanh lác-đác, lửa đóm chen năm xã gây lò Cầm ve gây lâu thư ánh ỏi, mỡ cuốc đưa án kệ ri-rù. Gò Châu-long khi ngọn gió đưa quanh, hồi thú-cổ thoảng kẻ bên khóm trúc ; non Phục-tượng buổi vừng giăng hé nửa, tiếng hàn-châm nghe cách dải sông Tô.

Người ngoạn cảnh ngầu-ngờ đôi chốn, khách thâu-nhàn rải-ráo từng khu. Mảnh áo tơ cây lớp-xốp trong mưa, ca Thanh-thảo quuyến đìn trâu gã Nịnh ; con thuyền trúc chở lừ-đừ trước gió, khúo Thương-lang đưa gánh củi chàng Chu. Vầy cuộc ăn mọi nghề nào thiếu, mượn thú vui bốn bận gồm no. Cành Khán-sơn chưa gác cuộc cờ, lòng thơ nọ đã bồi hồi ban ngậm thổ ; làng Vọng-thị còn đang tiệc rượu, tiếng cầm đâu vừa náo nuốt buổi tà-ô. Khách Ngõ-ngọc chợ Tây ngồ san-sát, người Hi-hoàng cửa bể ; ngáy kho kho. Bể giặt tơ người quây nước còn khuya, gương thiềm dựng trên tay lấp-lánh ; vừng mai-nhị kẻ gầy sương hầy sớm, tui xạ rơi dưới gót thơm-tho. Ngang thành-thị rẽ yên-hà nào thú, dọc phố phường chén phong-nguyệt đôi kho. Gó hia-hia dòng Nhị-thủy đưa lên, lồng hơi mát tới chòm hoa khóm liễu ; giăng vắng-vác mái Tam-sơn rơi xuống, ngậm bóng trong từ lũ cá đàn cua.

Phong cảnh cũ nhiều nơi thẳng lăm, triều đời xưa mấy lớp thanh ngu. Tựa quán hoa đặt nẻo quan-ngư, kia đời Hưng-khánh ; để tay sóng đem bãi dụ tượng, nọ thuở Càn-phù. Trái Trầu trước cũng nhiều pheu xe ngựa ; tới Lê sau càng lăm độ tán dù. Trộm thấy thiên bát vịnh du hồ, trong tỉ hừng cũng ngụ nhời qui phụng ; trạnh nhớ khúc liên-ngâm thương nguyệt, lúc tiểu-đàm nhường thỏa ý giao du. Tòa đá nọ ghi câu canh họa, dòng nước kia nổi chén tạc thù. Năm sau từ lả bụi tiên tường, ba thước nước khôn cầm máu hiệu khiết ; buổi ấy cũng góp phần tang hải, sáu thu gởii bao xiết nỗi hoang-khô. Hình cây đá mưa rần gió dãi, sắc hoa chim tuyết vắn sương mù. Chốn tri-dường làm bận vẽ thanh-quang, xuôi ngược những về đuổi khoa đầu ; nơi viên



vũ đề che màu sáng-lãng, dọc ngang sao mặc bóng tri thù ? Hương cò miếu đời chòm lạnh lẽo, đèn viển thôn mây ngọn lù mù. Kinh đầu đầu đều chạy xuống trung sa, lầu gác điều gió còn sớm quạt ; sen chồn chồn đã bay về Tây-vực, bóng ngư-du nguyệt bấy khuya mờ. Kêu tri loạn đầu lòng đổ vũ gọi công-tư mỗi miếng hà mô Lũ cây mây lầu tưởng bóng nghệ, thơ thất nguyệt thổ than cùng mục thụ ; khách điếu nguyệt biếng nhìn tầm cá, chữ tam quyền bán bạc với tiểu-phu. Nghe chòm nợ rì rầm ve sè, ngắm vùng kia cao thấp chai cò. Thủ cao-lưu lịch lạc thể cò, người nhao thủy cuốn cầm khi dãi quế ; màu yên cảnh bằng khuâng hờn rượu, khách đàng đài gáo bút buổi bay ngô. Chiều phong vật nghe ngưỡng quanh quế, dấu danh lãng ngắm hầy mơ hồ. Dưới cầu vồng nước chảy mênh-mông, đường xưa đưa ngựa ; trên thành trí đá xây lờm chớm, bến cũ gọi đò. Trước cổ-cung treo nửa mảnh gương loan, vầng giăng xé-xé ; sau cổ-tự gửi mấy phong da ngựa, đám cỏ rù rù. Lớp hoán-dịch ngày xưa man-máo, vẻ tiêu lương cảnh cũ thẹn thò. Ánh phồn hoa vì cảnh muốn trêu người, người trái khi vật đổi sao dời, cảnh cũng phải chiều người buổi ấy ; lúc thanh nhân có người còn đoái cảnh, cảnh vốn sẵn nước trong giăng sáng, người nào nên phụ cảnh này ru ! Vầng giăng nợ buổi tròn buổi khuyết, ngọn nước kia khi đục khi lờ.

Tới mặt-thân từ rờ về tường vắn, sông núi khắp nhờ công đấng dịch ; qua canh-tuất lại tưới cơn thời-vũ, cỏ cây đều gọi đờ chiêm nhu. Vung tri-chiều nước dẫn dẫn sáng, ánh đình-đài hoa phớt-phớt đua. Chốn bấy cây còn mấy gòo lãng-sương, chẳng từng bạch-cung khoe hình thương-độ ; nơi một

bến đã đông đoàn hí-thủy, khắp âu diên đều thỏa tính trăm-phù. Về hoa thạch châu thêu gấm dệt, tiếng cầm-trùng ngọc dát vàng khua. Bãi cỏ non trâu thả ngựa buông, nội Chu đã nhiều người ca ngợi ; làn sóng phẳng kính trăm ngọc lặn, ao Hán nào mấy kẻ reo hò. Mặt đất đùn này thóc ấy rau, đầu lòng Cò-truóc ; dòng nước chảy kìa ghềnh nợ bến, mào thích Sáo Do. Cây miếu kia còn đứng dậy vai thần đoàn Mãn tới dám khoe nhời Tây-hữu ; sen chùa nợ lại bay về cảnh phật, lũ Ngô về từng niệm chữ « nam vô ». Đầu linh khí rành rành tỏ sáng, mạch hậu-nhân dạng đặc bao so. Mặt thanh xưa đem lại thể kim-thang, mây che phảng phất ; cánh hàn cũ sửa ra nhìn chỉ-trụ, đá xếp xô bờ. Nghé vung danh áng lợi bấy lâu, cảnh tuy nhường tiện ; so nước trí non nhân mấy chốn, cảnh đã gì thua Trái mấy thu từng đưa bóng thắm xanh, may cánh đã vào trong vũ trụ ; vì nghìn dặm hầy khơi với bộ tía, thật cảnh còn gọi chốn biên nga. Tuy thú vị đã dai-bày ra đo ; nhưng thanh-dung nào trang-diễm đến cho.

Nay mừng giới phủ chính-thống, nước mở hoanh mô. Cơ tạo-hóa thắm vào trong động tác, khí can khôn vẫn lại thuở đô-du. Chốn Hoàng-thành đặt vừng Long-biên, ngôi Bắc-cực muôn dân đều cũng hưởng ; đàn trung-trạch xây nên ngư-chử, cảnh Tây-hồ trăm thức lại phương phu. Chòm hủ thảo chứa qua tuần đóm đóm, ánh hồng-vân đã cách độ tua dua. Ngắm nguyệt-chiêm từ cầu-tượng một báo, giới kia đừng khuấy bụi ; xem tuế-luật đến sinh tân bầy tảo, đất nợ mới bay gió. Cơ vãng-phục lạnh thời lại ấm, lý doanh hư bớt lại thi bù. Được ngũ dương vừa sinh-khí nhất âm, muôn phẩm đã nhờ ơn khôn tạo ; trên chín bộ đã tể ngôi thất-chính, bốn mùa đều theo hướng đầu-xu,

Hương khâm-kính xông với hạo dăng, rượu chai kien thắm cõi linh u. Rờ năm mây bấy ngọc bạch đôi hàng, thảo mộc hầy ra công Thang Vũ ; vang chín bộ rồi tiêu thiếu mấy chấp, điều thủ đều mùa đờ Đường Ngu. Về hoa lẫn dấu cờ năm thừ, mặt nước in bóng giáo ba ngù. Trước huân phong nghe phảng phất cung đàn, loài thắm thủy muốn vươn lên ngũ bài ; dưới tuệ nhật thấy vang lừng tiếng chúc, hình viển sơn nhường rạp xuống tam hồ. Lễ nhạc ấy nghìn năm ít thấy, phong quang này mấy thuở nào so. Trên dưới đều rỗng mây cá nước phải duyên, gột khánh từ rầy đôi hàng uyên lộ ; xa gần cùng cõi bờ non sông một mối, tấm kiển thanh dung khắp lữ nghiêu sở. Hơi yếu mị quét dưới cờ thanh đạo, khí tường quang tuôn trước ngọn huyễn lộ. Dạng đầu ghềnh người mượn chữ vu viên, sẵn đàn hồng nhận ; ca cuối vừng kẻ ngắm cầu tại chử, kêu lũ ô phù. Nhời nghị tướng nằm trong Chu nhả, điệu ngâm nga đứng giữa Nghiêu cù. Gấm đây đã vui thú tạo canh, rành chốn chốn cũng ca đồng mùa lão ; xem đó đã yên loài động thực, hẳn đâu đâu đều bật thử êm hồ.

Mừng lệnh tiết đã trình diễm thái lãng, xin thành nhân cang cần thuở dự du. Ngọn nguồn tuôn lại lãng mái kia ghềnh, đèn chiếu thủy ch a dòng Kinh Vĩ ; chòm cỏ mọc lơ thơ bên nợ miếu, trống thời hoa chia rẽ Lan Do. Nhìn đã sẵn xét dân phong cần nọ, ngắm thấy quang soi vật tính thanh ô. Chốn chiều dài xem cá lội điều bay, thấu sĩ lộ nơi thông nơi trở ; miền thôn ô lãng muông kêu gà gáy, lượng dân gian đầu hao đầu chử. Tình u-ẩn khắp bấy trên thi thính, hiệu tri bình danh kịp dưới tể tu. Nội mạch k a dân cộ lấy làm giới, hàng chuột âm khá ngựa nọ.

Xem tiếp trang 16



**T**Ừ thế-kỷ thứ XVI, bên kia bờ Địa-trung-hải trông sang nước Pháp, vẫn có một nước theo Hồi-giáo, chủ-hầu Thổ-nhĩ-kỳ. Ấy là xứ Alger thường gọi là Đại-lý-quốc-chính, thuộc quyền một vị Thống-đốc cai-trị. Viên Thống-đốc này ở trong phạm-vi kiểm-soát của các vị Quốc-vương Constantine, Oran và Médéa (Titteri).

Dân số non hai triệu người gồm có giới quý-phái Thổ-nhĩ-kỳ và nhất là các bộ-lạc Ả-rập gần như độc lập. Nguồn lợi chính của Đại-lý-quốc-chính là nghề giặc cướp trên mặt Địa-trung-hải. Các hải-thuyền Alger đi cướp phá khắp nơi đã từng phen bị hạm-đội Âu-châu đuổi đánh.

Hồi thế-kỷ thứ XVII, nước Pháp đã chiếm được trên miền duyên-hải nhiều căn-cứ thương-mại như La Calle ngay xế cửa nước Pháp.

Không phải vì muốn cấm-chấp việc cướp phá của giặc bề Alger mà nước Pháp định dùng võ-lực vào năm 1830. Từ lâu, giữa viên Thống-đốc Hussein và Chính-phủ Pháp vẫn có sự bất-hòa về một món nợ cũ và về việc lúa mì của xứ Algérie giao cho Pháp, do hai người Do-thái miền Livourne làm trung-gian. Viên lãnh-sự Pháp ở Alger là Deval tranh-juận với viên Thống-đốc Hussein. Hussein, trong lúc quá nóng, cầm phất trần đánh Deval, rồi sau vì Anh kích-thích, Hussein ra lệnh bắn một chiếc tàu Pháp đậu trong bến Alger.

Triều-dinh vua Charles X rất lấy làm bất-mãn, nhân có nước Nga trợ-lực, nhất định cho quân sang đánh Algérie.

Ngày 12 Juin 1830, hạm-đội Pháp tải đến gần Alger một toán

37 nghìn quân dưới quyền chỉ-huy quan Tổng-trưởng bộ Chiến-tranh Bourmont. Thắng một trận oanh-liệt tại Sta-oueli, quân Pháp chiếm luôn được pháo - đài « Hoàng-đế » trong thành Alger. Ngay sáng hôm sau (4 Juillet 1830), thành Alger thất-thủ. Dịch quân thiệt mất 415 người.

Thế là kết-liệu cuộc chinh-chiến. Viên Thống-đốc Hussein xuống tàu chạy sang tỉnh Naples (Ý-đại-lợi), để lại 48 triệu bạc. Sau số tiền này dùng để bù vào các khoản binh-phí. Quân-đội Pháp tạm đóng tại Bône, trên miền duyên-hải thuộc tỉnh Constantine.

Khi ấy, Anh hết sức yêu-cầu Pháp rút quân khỏi đất Algérie. Vua Charles X trả nhời một cách vẻ-vang : « Chiếm Alger, trăm chỉ biết nghĩ đến danh - dự nước Pháp. Còn trả hay giữ Alger, trăm sẽ chỉ biết theo quyền-lợi, nước Pháp ».

Sau khi vua Charles X thoái vị, vua Louis Philippe ngần-ngại không biết có nên giữ Algérie hay không, mà cũng không biết cai-trị các miền chiếm được theo cách nào. Sau cùng nhà vua quyết-nghị chỉ tạm chiếm đóng trong vòng 5 năm (1830-1835). Quân còn lại một ngũ, rải-rác đóng các hải-khẩu quan-trọng như Oran, Mostaganem, Bongie, Bône và ngoại châu-thành Alger (Mitidja).

Người Pháp mới đến một xứ lạ, nên gặp nhiều trở-lực : hai bờ lũy của hai dãy núi Atlas khí-hậu khô khan, nóng bức, dân-chúng ở trong các nơi hiểm-trở, lúc ẩn, lúc hiện, có tài đánh

Thời-dàm

Xứ ALGERIE,

# THUỘC-ĐỊA PHÁP

NHẬT-NHAM

nhau theo lối du kích.

Trong thời-kỳ kinh-nghiệm ấy, Chính-phủ Pháp tổ-chức quân-đội bản-xứ và đặt các công-sở Ả-rập để giao-thiệp với dân-chúng.

Năm 1834, vua Louis Philippe cử nguyên Thống-chế Drouet d'Erlon làm Toàn-quyền Algérie.

Dân bản-xứ luôn luôn nổi lên chống nhau với người Pháp, nên Chính-phủ Pháp cần phải mở rộng phạm-vi từ bờ bề vào trong nội địa.

Từ 1836 đến 1840, hai việc quan trọng đáng ghi nhất là : 1.) phía đông, hai lần vây thành Constantine ; 2.) phía tây, khởi cuộc giao-tranh với Abd-el-Kader.

Năm 1836, Thống-chế Clausel, khi đó, làm Toàn-quyền Algérie, phái một toán quân 8000 người đến đánh thành Constantine. Vì tổ-chức không được chu đáo, nên cuộc tấn-công thất-bại, quân phải rút lui giữa mùa đông rét lạnh mà quan Toàn-quyền thì phải gọi về Pháp.

Nhưng đến năm 1837, một đạo binh tổ-chức rất chu-đáo dưới quyền chỉ-huy của Đại-tướng Lamoricière đã hạ được thành Constantine một cách oanh-liệt. Phải chiếm từng nhà một, rồi dần dần mới lấy được cả thành phố. Quan Toàn-quyền Danré-mont thay chân ông Clausel bị tử-trận ngay lúc đầu cuộc tấn-công. Lấy được thành-trị Constantine xong, dần dần quân Pháp chiếm được hết vùng từ Philip-

peville trên bờ bề đến Biskra ngay địa-giới sa mạc. Năm 1839, Thống-chế Valée thay Danré-mont làm Toàn-quyền Algérie, chiếm đường hẻm Biban (tục gọi là Thiết-môn) để liên-lạc hai tỉnh Alger và Constantine.

Về phía tây Alger, cuộc bành trướng của Pháp vào nội địa gặp một trở-lực rất lớn do một thủ-lĩnh cầm chịch : Abd-el-Kader, một người Ả-rập vùng Mascara, được đồng-bào tôn-trọng không những vì là dòng-dõi vua Mahomet, mà lại vì là một tín-đồ trung thành của thành Mecque. Abd-el-Kader có nhiều đức tính, nhiều tài-lực, nên được quần chúng suy tôn. Can đảm, cương quyết, Abd-el-Kader đã là một viên tướng tài, lại còn giỏi về đường ngoại-giao và nghề thơ chú-trọng về miền sa-mạc. Năm 1832, Abd-el-Kader mới 24 tuổi, đã dẫn quân đánh nhau với người Pháp, thắng luôn hai trận tại Macta và Sidi-Brahim. Theo hai bản hòa-ước do đại-tướng Desmichels ký năm 1834 và Bugeaud ký năm 1837, Abd-el-Kader được công nhận có chủ quyền trên một khu vực gồm cả tỉnh Oran và một phần to tỉnh Alger.

Abd-el-Kader lợi-dụng tình-thế, tổ-chức quân-đội, mở xưởng chế tạo khí giới. Rồi đến cuối năm 1839, đem quân tiến vào Alger giết hại kiều-dân Pháp mới di cư đến đấy. Nhưng nhờ cuộc kháng chiến anh-dũng của tướng Mazagran, Abd-el-Kader bị thất-

bại, rồi từ đó bắt đầu cuộc chiến tranh kéo dài trong 8 năm (1839 1847). Nước Pháp toàn thắng và chiếm được cả xứ Algérie.

Người có công nhất trong cuộc đại thắng là Đại-tướng Bugeaud (sau thăng Thống-chế).

Bugeaud dùng nhiều toán quân rất hoạt-dộng, cho đi khắp các nơi, qua dãy núi Atlas và các cao nguyên tỉnh Oran, lúc ẩn, lúc hiện, giao chiến với quân địch và triệt lương thực lấy dùng cho quân đội mình.

Chiến-lược ấy đưa Abd-el-Kader đến cuộc thất-bại trong một thời-gian rất ngắn và giúp quân Pháp chiếm được thành các Mascara Tlemcen và kinh đô Smala.

Sau cuộc thất-trận, Abd-el-Kader trốn sang Maroc và năm 1844, yêu cầu được quốc-vương Mouley-Abder-Rahman tuyên-chiến với nước Pháp. Một hạm-đội Pháp kéo đến bắn phá Tanger và Mogador. Một mặt, Bugeaud chỉ huy một đạo quân một vạn người, giết được 4 vạn kỵ-binh Maroc trên bờ sông Isly, ngày 14 Aout 1844. Quốc-vương phải thôi không giúp Abd-el-Kader nữa và ký hòa ước Tanger (1844) định địa giới xứ Algérie và xứ Maroc.

Ab-el-Kader thế cô, phải đầu hàng năm 1847 và đưa sang Pháp an-trì.

Từ đó xứ Algérie thuộc quyền nước Pháp bảo-hộ.

Tuy còn một ít bộ-lạc dân sa-mạc Sahara nổi loạn, nhưng sau cũng hàng phục được cả.

Xứ Algérie là một thuộc-địa Pháp quan trọng nhất, vì địa thế gần chính-quốc và vì có nhiều

sản-vật và nguyên-liệu.

Chialam ba hạt: Alger, Oran và Constantine, dân số có 65 vạn người gồm 56 vạn dân bản-xứ và 920 nghìn kiều dân Âu-châu, trên một địa thế 575 290 cây số vuông.

Algérie chia làm ba khu-vực : 1. Miền Tell có nhiều đồng bằng phì-nhiều giữa Địa-trung-hải và dãy núi Atlas, có nhiều sông chảy qua. Sông chính là sông Chéouiff, còn đều là sông con không quan trọng.

Miền này giống nhiều ngũ cốc, nho, hoa quả, bông, sản-xuất nhiều ngựa, gỗ, sắt, khí hậu mát mẻ. Có mấy hải-khẩu quan trọng liên-lạc với Pháp-quốc và các nước trên thế-giới : Alger (264232 người), Oran (200671 người), Constantine (10 vạn người), Bône (65 nghìn người).

2. Miền cao-nguyên, khô-ráo, có nhiều đồng cỏ nuôi cừu, nhiều hồ nước mặn, nhiều mỏ phân hóa-học. Dân-cư rất thưa, phiêu-lưu khắp miền.

3. Sa-mạc Sahara có nhiều rừng cây chà-là (Biskra, Laghouat), nhiều núi đá và đồng cát. Khí hậu mát-mẻ ở phía bắc, nóng-nực ở phía nam. Sản-vật : quả chà-là, ngũ cốc, súc-vật.

Xứ Algérie là một thuộc-địa Pháp rất giàu nguyên-liệu thiếc, chì sắt, đồng, phân hóa học.

Kỹ-nghệ, chỉ có nghề thuộc da, làm đồ gỗ, dệt vải, vãn vãn.

Có 3500 cây số hỏa xa, đường giao-thông trong xứ rất tiện-lợi,

Xứ Algérie vì vị trí ở trên bờ Địa-trung-hải, có nhiều vịnh tiện cho các tàu bề lưu-trú, nên có một địa-vị quan-trọng trên trường quốc-tế, có một công-dụng rất lớn về mặt quân-sự.

Hình như Anh đã để ý đến cái công dụng ấy, nên sau khi tấn-công vào Madagascar của Pháp,

Xem tiếp trang 16



## Bia Văn-miếu

## Những ông nghề triều Lê

Số 24

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỔ

Khoa qui-mùi niên-biên Quang thuận thứ tư (năm 1463) đỗ mười lăm người đệ nhị giáp tiến sĩ xuất-thân. Theo bia Văn-miếu, thì thứ tự như sau này :

1. — Phạm Lỗ, người xã Lỗ-dương, huyện Đường-an, phủ Thượng hồng. Làm quan đến Hình-bộ hữu-thị-lang. Là anh Phạm Sán. đỗ nhị giáp khoa át mùi năm Hồng-đức thứ sáu (1475) (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải dương* tờ 11 a và 12 a).

2. — Nguyễn-Tài, người xã Hương-quất, huyện Từ-kỳ, phủ Hạ-hồng. Năm Hồng-đức canh dần (1470), vua Lê Thánh-tôn (1460-1427) đi đánh Chiêm thành sai ông cùng với Đinh thúc-Thông và Phạm-vĩnh-Dụ làm án-sát-sứ mọi doanh (*Đăng khoa bị khảo* tỉnh *Hải-dương*, tờ 42 b). *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương mục* (chính biên, quyển 21, tờ 40 a) chép «tháng một năm Hồng-đức thứ nhất (1470) vua Lê Thánh-tôn đến Thiết sơn hủy-quân của lũ Đinh-Liệt và Lê-Niệm đi trước, trong quân thất hỏa, chết hại hơn ba mươi người. Án-sát là lũ Đinh-thúc-Thông và Nguyễn-Tài làm tờ lộ chương hạch tâu (lộ là đề ngỏ) Vua ban sắc dụ rằng : «Về việc sáu quân được hay thua, quan hệ ở chức tướng quân ; cơ-quan một doanh lợi hay hại, trách-nhiệm ở chức án-sát. Quân lũ Đinh-Liệt không có kỷ-luật, khác gì trò trẻ chơi ; Lũ người hạch đó, thực đáng khen thưởng » Đặc cách ban cho tiền có thứ-tự » Nguyễn-Tài làm quan đến hiến sát sứ là anh Nguyễn

Thận và em Nguyễn-Thiện : ba anh em làm quan đồng triều.

3. — Dương văn-Đán, người xã Hà-lỗ, huyện Đông-ngân, phủ Từ-sơn. Mùa đông năm Quang-thuận mậu-tý (1468), làm cống bộ chánh-sứ sang Tàu. Sau làm đến thừa-chánh sứ (*Đăng khoa bị khảo*, tỉnh *Kinh bắc*, tờ 26 a, chép là thừa-tuyên-sứ).

4 — Nguyễn Tường, người xã Cao-cương, huyện Tân-phong phủ Tam-đại. Đỗ cả khoa hoanh từ : *Việt sử cương mục* (quyển 21 tờ 8 b) chép «tháng chạp năm Quang-thuận thứ tám (1467), đặt khoa hoanh-từ (trong sách *Kiến-văn-lục*, Lê-quý-Đôn nói về phép thi hoanh-từ có : thơ phú, tả, tụng, ca, châm, không có thể-lệ nhất-định) : quan-viên từ từ-phẩm trở xuống đều được dự thi. Năm Quang-thuận thứ tám (1467) gồm ba mươi người họp ở Phượng-ngai-đường vua Lê-Thánh-tôn (1460-1497) tự ra đầu bài. Lang trung Nguyễn-Tường, Lê-dinh-Tuấn, tri-huyện Nguyễn-nhân-Thiếp, Đào-huân Cừ, viên-ngoại-lang Phạm-như-Lam, Trần-quý-Huyền, đều trúng tuyển, được sung vào Bí thư giám đọc sách». Nguyễn-Tường làm quan đến Hình bộ tả-thị lang (*Đăng khoa lục*, quyển 1 tờ 10 a.)

5. — Lê-dinh-Tuấn, người xã Thanh-lãng, huyện Tế-giang phủ Thuận-an. Đỗ cả khoa hoanh từ với Nguyễn Tường (xem đoạn trên kia.) Làm quan đến Đông-các-hiện-thư. *Việt-sử cương-mục* (quyển 20, tờ 6 b) chép «tháng năm năm Quang-thuận thứ bảy (1466) Thái bộc tự thiếu-khann

là Lê-dinh-Tuấn tâu rằng : «Việc làm ruộng là việc gốc trong thiên hạ, không nên đề lỗi-thời (tức là trái mùa) : các quân trong nước xin để lại một nửa ứng hầu việc công, còn cho về làm ruộng». Vua Lê Thánh-tôn (1460-1497) theo lời tâu.»

6. — Đào-Bạt, người xã Tiên-liệt, huyện Bình-hà, phủ Nam-sách (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải-dương*, tờ 71 b, chép là huyện Thanh-hà) Làm quan đến thượng-thư Là tăng-tổ Đào-Tôn,

7. — Đỗ-Hân, người xã Cao-mặc, huyện Thanh-miền, phủ Hạ-bồng (*Đăng khoa bị khảo* quyển *Sơn-nam*, tờ 51 b, chép là xã Cao-triều). Cùng với trạng-nguyên Lương-thế-Vĩnh bỏ vào Bí-thư-giám. Làm quan đến tả-thị-lang.

8. — Phạm-Ngữ, người xã Phan-xá, huyện Nghi-xuân, phủ Đức-Quang Nguyên quán ở xã Phù-ninh, huyện Đông-ngân. Đỗ năm ba-mươi tuổi. Làm quan đến thiêm-đô ngự-sứ (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, thu, tập trùng, tờ 11 a).

9. — Nguyễn-Ký, người xã Linh-giang, huyện Chí-linh, phủ Nam-sách. Đỗ năm ba-mươi tuổi. Đến năm bốn-mươi-tám tuổi, tức là năm Hồng-đức tân-sử (1481) thăng Lại-bộ thượng-thư, giữ việc thuyên-tuyên hơn mười năm. Là tăng-tổ Nguyễn-Nghiêm (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải-dương*, tờ 77 b).

10. — Vũ nhữ-Nhuế, người xã Thượng-đặng, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách. Đỗ năm hai-mươi-tám tuổi, làm quan đến Hàn-lâm-viện khởi-cư-chú (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải-dương*, tờ 56 b).

11. — Hoàng-Bồi, người xã Cam-glá-bạ, huyện Phúc-lộc phủ Quốc-oai, Đỗ năm hai mươi bảy



tuổi Năm Cảnh-thống nhâm tuất (1502) làm Quốc-tử-giám-tung-nghiệp, thăng Hộ-bộ-thượng-thư (Đặng khoa bị khảo, thu tập thượng, tờ 66 a).

12. — Đinh Thúc-Thông, người xã Vinh-quan, huyện Gia-viễn, phủ Trường-yên (Đặng khoa lục, quyển 1, tờ 11 b, in là Quan-vinh). Nguyên-quân ở xã Vũ-lăng, huyện Thượng-phúc. Đỗ năm hai mươi hai tuổi. Làm quan đến thượng-thư. « Mới bắt đầu làm Hàn-lâm trực học sĩ. Khi vua Lê Thánh-Tôn (1460-1497) đi đánh Chiêm-thành, ông sung chức Hành-doanh án-sát-sứ, cùng lữ Nguyễn-Tài tàu càn rõ không đúng sự thực. Vua giận lắm, bắt cỡi mữ làm đồ niêu-khí để cho nhục » (dịch trong Đặng khoa bị khảo, thu tập hạ, tờ 54 a 54 b; Việt-sử cương-mục, quyển 21, tờ 40 a, chép khác hẳn, xem truyện Nguyễn-Tài dịch trên kia). Bồi chính thiếu vi, quyển 3. Hậu Tần kỷ, tờ 102 a, dẫn chuyện Bái-công bắt khách cỡi mữ (quan) rồi tiều-tiền (niêu) vào trong, vì thế về sau có hai chữ niêu quan.

13. — Võ-Hữu, người xã Mộ-trạch, huyện Đường-an, phủ Hạ-hồng. Đỗ năm hai mươi tuổi. « Năm Cảnh-thống lúc đầu (1498) làm Lễ bộ-thượng-thư, tâu xin bỏ đủ số đầu-bếp hiếu ở thự Thái-quan, cùng những tháng

làm ruộng mùa hạ mùa đông cho quân lính chia nhau về, để cho đều sự khó-nhọc và sự thông-thả. Rồi thiên là n Hộ-bộ-thượng-thư, được đề-cử kỳ điện thí năm nhâm-tuất (1502). Lúc bấy giờ tuổi năm-mười-năm, lần lần được tiến tước Tông-dương hầu (Đặng khoa lục, quyển 1, tờ 11b, in là Dương tông hầu). Năm đinh-hợi hiệu Thống nguyên (1527) cùng Phan đình-Tá bàn việc cho ngự Mạc được chia thước dùng (chữ nho gọi là cửu-tích; quyển Từ-nguyên chưa đời xưa thiên-tử ưu lễ đại-thần, cho đồ dùng khác với các quan, tổ ý vưu-quí đặc-biệt; chín thước sỷ là xe ngựa, áo mặc, nhạc khí, công sơn đồ, nền điện làm từng bậc, quán hồ-bôn, cung tên, thiết-việt, rượu cự-sửng, là một thứ rượu làm bằng gạo nếp đen) Võ-Hữu phụng mạng đi sách phong cho Mạc-đăng-Dung (1527-1529) làm An-hưng-vương: đời bấy giờ người ta cho ông vào hàng a-dua thứ nhất. Sau dần dần làm quan nhà Mạc Thọ tám-mười-bảy tuổi. Võ-phương-Đề chép truyện ông lại nói ông không chịu thờ nhà Mạc: chưa biết ai phải. Ông là bác Võ-Đôn, tổ năm đời Võ-Lương, tổ sáu đời Võ đình-Lâm, tổ xa Võ đình-Thiền và Võ đình-Ấn » (dịch trong Đặng khoa bị khảo, quyển Hải-

dương, tờ 11a-11b).

14) — Nguyễn - đình - Liêu, người xã Cối-giang, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn (Cối-giang nay là xã Hội-phù) Đỗ năm hai mươi một tuổi. Làm quan đến thượng-thư (Đặng khoa lục, quyển 1, tờ 11b, và Đặng khoa bị khảo quyển Kinh-bắc, tờ 26 b)

15 — Lưu-công-Ngạn, người xã Khúc-lễ, huyện Thủy-đường, phủ Kinh-môn (Đặng khoa bị khảo, quyển Hải-dương, tờ 93b, viết là xã Do-lễ).

Còn nữa

Ông-hoà NGUYỄN VĂN-TỐ

## Xứ Algérie

Tiếp theo trang 13

hồi 9 giờ sáng hôm thứ ba, 19 Mai 1942, một chiếc thủy-phí-cơ Anh bay trên hải-phận xứ Algérie, không ngoài mục-dịch thám-thính vùng này. Một đoàn phi-cơ khu-trục của Pháp, canh giữ miền duyên-hải, được lệnh cất cánh bay ngay lên nghênh-chiến, bắt buộc thủy-phí-cơ Anh phải hạ xuống.

Sau khi đó, một chiếc ngư-lôi-hạm của Anh bắn vào hai chiếc tàu Pháp, đồng thời lại bắn một đội phi-cơ khu-trục Pháp, nhưng không thiệt hại gì.

Tuy vậy, cũng chưa xảy việc gì quan-trọng ảnh-hưởng đến nền thịnh-trị xứ Algérie.

Algérie vẫn phòng-thủ và đủ lực-lượng để giữ nguyên tình-thế và địa-vị trong đế-quốc Pháp.

NHẬT-NHAM

## Hộp thư

Ô. Đào trọng Dũ, Pnompenh. — Ông cứ quẩn lại đề ngoài articles de presse dán 6 xu tem gửi ra cho, bản-chí rất hoan nghênh.

Ô. Phạm văn Bình, Hưng yên. — T. T. từ 1 đến 40 còn nhưng thiếu đến 10 số. Tem nhận được rồi còn bài thì chưa.

Ô. N. N. Cambodia. — Hạn báo của ngài hết từ 31 Mai 1942

Trẻ con thuộc A B C rồi nên cho chúng học ở quyển

# VĂN VĂN BÁCH TUYẾN

của ông Dương Tự-Quán

Sách biên tập rất tốt, hợp với trình độ trẻ, từ dễ đến khó, đã được hội đồng duyệt y cho dùng trong các trường công tư khắp Đông-Pháp

Mới in lại lần thứ 7 — Giá 0p50 — Cước 0p10



## Tri Tân cũng Mụ

(Tiếp theo trang 9)

36 bà mụ, nói cho đúng là các ông Mụ! Vậy tôi xin thành thực kính mời các ngài, các bạn nâng chén trà thanh đạm mừng Tri-Tân đã được một năm tròn.

«Về tương lai, tôi lại xin cam đoan rằng Tri Tân sẽ hết sức theo con đường văn-hóa, sử học và văn học mà các ngài đã chỉ hoạch, dù gặp trường hợp khó-khăn, dù qua hoàn cảnh nào, Tri-Tân vẫn theo đuổi tôn chỉ của nó không vì hoàn cảnh mà thay đổi, không vì trường hợp mà đi sai đường. Xin các ngài các bạn thể tất cho. Vạn tạ.»

Một chàng pháo tay hoan nghênh ông Tiên Đàm với những lời thành thực.

Đoạn bạn Cách Chi, mà có bạn gọi đùa là «Cóc Cách», đứng lên đọc bài thơ bạn đã làm đề kỷ-niệm Tri-Tân:

*Đường đi, đi đã một nam vừa :  
Lợi suối, trôi đeo mây độ qua.  
Mặt sạm chi mảng mưa với nắng,  
Gót chồn, bao quân dốc cùng xa.  
Da-trắng công nợ, mong không nông ;  
Quốc-quốc hơi kia, ước có thừa.  
Những nổi trên đường còn lấm lấm,  
Ngừng chân, gặng sức lại sông pha  
Đến lượt bạn Nhật-Nham cao  
giọng đọc bức thơ xin kiếu của cụ  
Trần Hàm-Tắc với mấy câu mừng  
Tri-Tân cùng non sông trường thọ !  
Thì-buổi duy-tân tấn-tới dần,  
Tân-văn, tân-chỉ lại «Tri-Tân».  
Ôn trong điều cũ pha màu mới,  
Tình hết vòng Trời dựng tháng xuân.  
Tập-từng chen chân rồi biết dừng,  
Nói năng đã gọng hần thành văn.  
Mạ nào khéo dạy tay cầm bút  
Trăm tuổi dài lâu cổ đỗ-dần...*

Đọc xong các bài đó, bạn Hoa-Bằng có vẻ đang tư lự trong làn kính trắng, ông chủ-nhiệm vội phò :

— Các bạn đừng lo, Tri-Tân đã trù liệu đủ giấy in ít ra là 6 tháng nữa!

Bạn Lê-Thanh xen lời :

— Có lẽ vì thế bác Hoa-Bằng có vẻ lo, lo sao «bôi đen» hết số giấy đó trong thời-gian ấy!

Các bạn cười, cái cười thân mật

tỏa trong câu chuyện của một nhóm đồng chí đã rầy vang trong một căn phòng rộng rãi.

Bữa đó tôi đã «tận tâm» với Tri-Tân và theo chiến lược «chớp nhoáng» những đĩa bánh ngọt đã lần lượt bị tiêu diệt!

Tiệc trà đã bắt đầu trong một bầu không khí thân thiện và đượm vẻ nồng-nàn.

Nâng chén trà thơm mừng cho Tri-Tân, ai nấy đều tỏ vẻ hoan-lạc và lưu luyến với các văn nhân nhường như hẹn cùng nhau thật chặt giải đồng tâm đề cùng phụng sự những lý-tưởng cao xa đã khắc sâu trên đài văn-hóa trước bàn thờ non sông Tổ Quốc!

Trong hai tiếng đồng hồ, các văn hữu đã cùng nhau chuyện văn, tiếng nói sen lẫn tiếng cười vui-vẻ như đề xua đuổi những nỗi nhọc-nhằn trong năm vừa qua và đề hứa hẹn nhau càng ngày càng kháng khí trên con đường văn nghệ đầy chông gai hiểm trở.

Lúc ra về, tôi bỗng nảy ra một ý-nghĩa kỳ ngộ là mong tháng tháng có một tiệc trà như vậy! Nhưng đó là một điều mong... nguy hiểm vì nếu có thật, ông thủ quỹ Tri-Tân sẽ là người đầu tiên xin... từ-chức vì nhóm Tri-Tân



Ông Ch. Lacollonge, hội-trưởng Hội Việt nam mỹ-thuật kỹ nghệ

chỉ sẵn sàng giàu lòng hăng-há i giàu chí quả-quyết với đức hy-sinh cho văn nghệ, chứ có được dư-dật như ai mà hồng ngụy lặn trong một cuộc đời huy hoàng lộng-lẫy.

PHẠM-MẠNH-PHAN

## Tài-liệu...

(Tiếp theo trang 11)

cổ khuất; bờ liễu nợ kẻ xây đã vững đất, lỗ kiến đùn lên cần buổi nguồn số. Bেম phong cảnh lại một hồ tuy nhỏ, mở thái bình ra bốn bề mới to. Tôi này nay hồ minh thiên lậu, đại tính sơ thô. Dư một kỷ yên bề vu thước, ngoài năm tuần then bóng tang du. Trước phương đàn lạp sánh hàng yên, góp hồ cảnh tiến một chương quốc ngữ; bên Ngự đạo ngửa trông vừng nhật, tiếp sơn thanh mừng muôn kỷ dao đồ.

(Chép theo quyền *Tây hồ phú*, sách viết bằng chữ nôm của Trương Bác cồ, số A B 299, tờ 1a 6b, và quyền *Phong-cảnh biệt chi* sách viết bằng chữ nôm của Trương Bác cồ, số A B 377, tờ 1a-7a).

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ  
biên tập

1) Quyền *Việt-văn hợp-tục giảng nghĩa* của ông Lê thành-Ý và ông Nguyễn hữu-Tiến chép bài *Tụng Tây-hồ phú* (in lần thứ hai, năm 1936) ở trang 115-116, nhưng chỉ chép có đoạn đầu, mà lại đề là của Trương Vĩnh-Hầu. Ngay từ năm 1930, tôi đã viết trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient* (quyển XXX, trang 144) rằng bài *Tây-hồ-tụng* là bài của Chương-lĩnh-hầu Nguyễn-huy-Lượng. *Nam-phong tạp-chí*, số 85, tháng Juillet 1924, trang 69-72, không biên tên tác giả, mà chép bài phú cũng không chép đủ, thiếu hẳn đoạn đầu và đoạn cuối. Nay tôi sao lại đủ cả, chỉ bỏ những chỗ chưa bằng chữ nho về chuyện bạch hồ, kim ngư, v.v., và những chỗ dị bản. vì sợ dài quá, phải ngắt ra làm vài kỳ.



# TÂY - NAM ĐẶC BẰNG

của NGUYỄN-TRIỆU

## II

Sau khi chiếm được thành Sài-côn rồi, Nguyễn Nhạc đề Đỗ Nhân Trập ở lại giữ thành, rồi cùng Huệ về Qui-Nhon. Các tướng-lính nhà Nguyễn lại nổi lên đánh quân Tây-sơn. Bấy giờ có chương-cơ Chu-văn-Tiếp đem quân bản-hộ từ Phú-yên về hợp với quân các đạo đánh đuổi hết quân Tây-sơn đi, cướp lại được thành Sài-côn rồi cho người ra đảo Phú-quốc đón Nguyễn-vương về.

Vương về sửa sang các việc đề phòng đề chống giữ với Tây-sơn, sang đến đầu năm Quý-mão, 1783, vua Tây-sơn lại sai hai em là Huệ và Lữ đem quân vào đánh. Nguyễn-Vương lại phải rước Vương-mẫu và Cung-quyển ra đảo Phú-quốc. Đến tháng 6, Huệ lại theo ra vây đánh Phú-quốc, Nguyễn-vương chạy về đảo Côn-Lôn; quân Tây-sơn lại đem binh thuyền đến vây Côn-Lôn và may nhờ eo trận gió bão làm binh thuyền Tây-sơn đắm cả, nên Vương lại trở về được Phú-quốc.

Lúc bấy giờ Vương cùng các quan theo hộ gia phải hái rau và tìm củ chuối mà ăn vì lương thực đã hết sạch và thối-lực cũng cùng kiệt.

Nguyên lúc thất-trận ở Sài-Côn, Chu-văn-Tiếp chạy sang Trầm-la mượn binh ưu-viện.

Tháng 2 năm Giáp-thìn, 1784, Vua Tiêm tiếp đãi Vua Nguyễn rất hậu và rồi sai hai tướng là Chiêu-lăng

và Chiêu-sương đem hai vạn quân và 300 chiến thuyền sang giúp Vua Nguyễn. Quân Tiêm sang đến nơi và có cả Vua Nguyễn và Chu-văn-Tiếp cũng cùng về đi đánh lấy lại được Rạch giá, Ba thắc (1) Trà-ôn, Mán thít (2) Sadec. Trận đánh này Chu-văn-Tiếp bị thương rồi mất (3).

Tướng Tây-sơn giữ đất Gia-định bấy giờ là Trương Văn Đa thấy Vua Nguyễn viện được quân Tiêm sang mạnh quá, bèn sai người phi báo ra Qui-nhon. Nhạc lại sai Huệ vào chống.

Sau khi vào đến Gia-định, Huệ dữ cho quân Tiêm tiến sâu vào đến gần Rạch-Gầm (Mỹ-Tho) rồi đánh phá một trận, giết quân Tiêm chỉ còn được vài nghìn người chạy theo đường bộ mà về nước. Phá tan được quân Tiêm rồi Huệ lại đem binh đánh Nguyễn-Vương và đề đó đốc Đặng vào Trấn ở lại trấn đất Gia-Định.

Nguyễn-Vương bấy giờ hết cả lương-thực, cùng với mấy quan hộ-gia chạy về Iran-giang, ra đảo Thổ châu, đảo Cỏ cốt (4) rồi lại sang nước Xiêm. Sách Sử-ký Đại-Việt-Nam quốc triều xuất bản tại Saigon năm 1898 (5) chép rằng bấy giờ chúa Nguyễn-Ánh và đức thầy Vê-riô đen chạy sang nước Xiêm, vua thì lẩn ở Hòn-dừa và đức thầy thì đi nơi khác, nên đức thầy cũng không biết được là vua ở đâu.

Đức thầy bèn vào cửa Chantaboun để các đạo hữu và đồ đệ ở lại đờ và cố Liot cũng ở lại đây để coi sóc dạy dỗ các môn đạo, còn Đức-thầy và cậu Pao-lô thì đi Bangkok.

Trong xứ Chantaboun bấy giờ vốn đã có nhiều môn-đạo là người An-nam sang làm nhà ở đây đã lâu, người thì đi buôn bán, kẻ thì chạy giặc bỏ quê

hương mà sang.

Vì Đức thầy Bá Đa-lộc vẫn không biết chúa Nguyễn-Ánh ở đâu, nên đã dặn giờ đức cha Liot (6) phải cho người đi tìm kiếm xem Ngài ở đâu. Cố Liot cho thuyền đi tìm kiếm mọi nơi không thấy chúa Nguyễn ở vào đâu cả.

May bấy giờ có một người trong môn-đạo tên là Trầm-Nam thời thường vào rừng kiếm lư và trầm về bán để độ nhật, tình cờ ghé Hòn-Dừa thì gặp chúa Nguyễn và các quan tùy tùng khốn cực mọi đường, không còn có gì mà ăn cả. Trầm-Nam có bao nhiêu gạo thì đem dâng cho Vua hết, rồi tức khắc bơi thuyền về Chantaboun báo cho đức cha Liot biết. Cố Liot vội vàng tức khắc cho thuyền chở đầy gạo, cá khô, gà vịt và lợn cùng các đồ cần dùng khác đem đến Hòn-Dừa mà dâng cho Vua rồi viết thư về Vọng-Các báo tin cho đức thầy Bá Đa-Lộc hay.

Đức Thầy được tin, liền cáo từ vua Xiêm trở về Chantaboun và đem rất nhiều lương-thực xếp xuống thuyền thặng buồm về Hòn-Dừa cho được gặp nhà Vua; hai bên vui mừng xiết kể...

Đức Thầy bèn tính cùng Vua nên sang cầu-cứu nước Pháp là hơn cả nhưng phải cho Hoàng-tử đi làm tin thì mới xong việc được.

Nguyễn-Vương nghe theo lời ấy, bèn gả Hoàng-tử Cảnh năm ấy mới 4 tuổi

Đón xem

**Tôn  
Thọ  
Trường**

một danh-sĩ đất Đồng-Nai  
(1825-1877)

KHUÔNG-VIỆT biên soạn  
THIỆU-SƠN đề tựa,

«... Một công trình có giá trị  
« về lịch sử và một tấm gương  
« tiết tháo để soi chung ».

Nhà NGUYỄN-KHANH-ĐÀM  
12, Rue Sabourain, Saigon  
in ấn hành.



(7) và cái quốc-ấn cùng một tờ quốc-thư tự tay Vua Nguyễn viết (8); ủy quyền phó-thác các việc cho Đức-Thầy cử tự-tiền mà thương-nghị với Pháp-đình để xin viện-binh.

Vua Nguyễn lại viết một bức thư riêng để dâng lên Pháp-hoàng và sai quan Phó-vệ-úy Phạm-văn-Nhâm, quan Cai-cơ Nguyễn-văn-Liêm theo giữ gìn Hoàng-tử Cảnh.

Mùa đông năm Giáp-thìn, Décembre 1784, Đức-thầy Bá Đa-Lộc dắt Hoàng-tử Cảnh cùng Phạm văn - Nhân và Nguyễn văn-Liêm xuống tàu để sang Tây, qua Ấn - Độ Dương, ghé thành Pondichéry. Chủ ý Đức-thầy ghé Pondichéry là còn muốn đề điều - đình, thỉnh-cầu các quan Trấn-thủ Pháp ở Ấn-Độ thuộc Pháp, ở cù-lao France và ở Bourbon để xin phát tạm viện-binh ít nhiều sang giúp Chúa Nguyễn-Anh đánh Tây-sơn, kéo đề Chúa phải đợi Đức-Thầy đi Pháp về mới có quân tới thì lần quá. Việc Đức-thầy mưu-định không xong, nên phải lặn độn ở Pondichéry đến 20 tháng và mãi đến mùa hạ năm Bình-Ngo, juin 1786, Đức-Thầy mới đáp tàu « Malabard » về Tây và mãi đến mùa xuân năm Đinh-Vị, Février 1787, mới tới Lorient là một hải-quảng ở về phía Tây nước Đại-Pháp.

Đức-thầy đưa Hoàng tử Cảnh vào bộ kiến Pháp - hoàng Louis XVI tại cung Versailles tàu bấy rất tường tận về tình trạng nước Nam và những lợi-quyền đánh đề cho nước Pháp. Pháp-hoàng họp đình - nghị liền và ưng - thuận ngay. Hoàng-tử Cảnh được tiếp đãi trọng thể theo vương-lễ trong cung Versailles và nó đùa cá ngày với các ông hoàng

bá chúa Pháp (9).

Tới ngày 28 Novembre 1787, bá tước Montmorin, ngoại-giao thượng-thư, mới cùng Đức-thầy Bá-đa-Lộc ký điều - ước Pháp - Nam bảo - trợ, đại đề : Vua Pháp thuận giúp Vua Nguyễn 4 chiếc tàu chiến và một đạo quân có đủ súng đạn, Vua Nguyễn phải nhường hẳn cho nước Pháp Cửa Hội-An (Faifo) và Côn-lôn (Pou'lo-Condore) và phải để cho người nước Pháp đi lại buôn bán tự do, ngoại giả không được để cho người nước nào khác ở Âu-Tây sang buôn bán ở nước Nam nữa....

Sau khi ký tờ giao ước rồi, Pháp Hoàng liền xuống chiếu giao cho quan Tổng-Trấn thành Pondichéry là bá-tước De Conway để liệu-lý việc đưa quân sang giúp Vua Nguyễn.

Ngày 8 Décembre 1787, Bá-đa-Lộc vào bãi-tạ Pháp Hoàng Louis XVI rồi đến ngày 29 tháng 10 năm Đinh-vị năm 27 Décembre 1787 đưa Hoàng-tử Cảnh xuống tàu « Drgade » về nước. Ngày 18 Mai 1788 về đến Pondichéry. Chỉ vì có sự bất-bình (10) giữa Đức-thầy Bá-đa-Lộc và De Conway, nên Conway kiếm có thoả thác ngăn trở rồi dâng sớ về Pháp-đình xin bãi việc giúp binh cho vua Nguyễn.

Thầy De Conway không chịu xuất binh thuyền, đức thầy vì tình bằng hữu, vì lời hứa, vì danh dự người nước Pháp và vì sự ích lợi cho tôn giao, bèn phải bỏ tiền riêng ra mua nhiều binh thuyền súng đạn và chiêu - mộ các thủy-quan người Pháp là những thanh niên anh tài và có kinh nghiệm quân sự. Ngày 15 juin 1789 cùng Hoàng-tử Cảnh xuống tàu « Méduse » đem binh thuyền

về giúp vua Nguyễn. Tháng 6 năm Kỷ-dậu, ngày 19 juillet 1789, con tàu « Méduse » đưa đức thầy về qua Côn-lôn, tải lên một ít súng ống đã mua cho vua Nguyễn và đưa theo về Gia-định mấy võ-quan người Pháp đức thầy cho về trước theo chiếc tàu Drayde đưa về tự ngày 15 Septembre 1788.

Bấy giờ vào ngày tháng 6 năm Kỷ-dậu là 24 juillet 1789, tàu « Méduse » đưa Đức-Thầy và Hoàng-Tử vào cửa Cầu-giờ. Vua Nguyễn được tin, mừng rỡ vô cùng, bèn sai Tôn-thất Hội đem binh-thuyền ra đón. Trên tàu bắn súng chào. Các quan ta lũ lượt kéo nhau xuống xem và tàu đậu 11 ngày rồi mới nhổ neo đi.

Trong số các quan người Pháp sang cùng Đức-Thầy có bọn Ollivier de Poymanel, (11) Philippe Vannier, (12) Laurent Barisy, (13) J. M. Dayot (14), Félix Dayot (15), J. B. Gaulton (16), Julien Gérard de l'isle Selle, (17) Guillaume Guillonx (18) De Forçant (19), còn bọn J. B. Chaigneau (20) Le Bruu, (21) Desplan (22) và nhiều người nữa mi sẽ tới sau ca.

### Bản chí

Cần cử động viên để đi các tỉnh thu tiền và lấy thêm học giả, vậy ai muốn làm, cần có những điều kiện này:

- 1/ Phải là người trên 20 tuổi.
- 2/ Có bằng Sơ học Pháp Việt.
- 3/ Có ký quỹ từ 50p. đến 100p.
- 4/ Có tính hạnh tốt.

Xin viết thư (nhớ kèm tem trả lời) cho bản chí.

TRÍ-TÂN

## HÀNG MAY ÁO DI MƯA

Bằng lụa hoặc vải rất đẹp, nhẹ, bền, không thấm nước, ra nắng to, vào nước sôi cũng ít sũng đều không chảy, không bao giờ dính quần áo.

Có đủ các màu - Giá rất rẻ  
do ETABLISSEMENT B T M chế tạo  
Cần đại lý khắp mọi nơi  
Viết thư về bureau de l'Établissement thương lượng  
cùng M. BUI-TUNG-MẬU.  
N. 36, Rue du Charbon Hanoi



Kể đó vua Nguyễn phong quan chức cho những người Pháp. Riêng có J. B. Chaigneau và Vannier là được ngài ban cho quốc tính và đặt tên ta. Theo sách ông Alexis Faire chép, thì hồi bấy giờ có 369 người Pháp phò giúp chúa Nguyễn, song thật ra, chỉ có độ 40 người và theo sử sách ta thì chỉ có gần 20 người là ta quen biết hơn cả:

J. B. Chaigneau hay Nguyễn văn Thăng, Thăng-tái-hầu.

Philippe Vannier hay Nguyễn văn Chấn, Chấn oai hầu.

Victor Olivier, ta quen gọi ông Tín, vệ-úy ban trực hậu.

De Forçant hay Lê văn Lăng, Cai-đội Lăng đức hầu.

Laurant Barlsy, ta vẫn quen gọi ông Mân, Thành tín hầu.

J. M. Dayot, ta gọi là ông Trí, Trí-lực hầu.

Théodore Le Brun. Cai-đội Thạch-oai-hầu.

Gipson, Cai-đội Chấn trực hầu.

Gérard de l'isle Selle, Cai-đội, Long-hung hầu.

J. B. Guillon, phó cai-đội, Oai dũng hầu.

Guillaume Gailloux, phó cai-đội Nhuệ-tài hầu.

Magon de Médine.

Etienne Malespine.

Dominique Desperles, làm thầy thuốc.

Emmanuel Tardivet.

Despiau, thầy thuốc.

Joang (Jean)

Mấy người sau đó không thấy sử sách, nói đến chức tước vua phong. Ngoài ra lại còn Mạn Hòa chương vệ là Manuel, An-hòa hầu, tử trận ở Thất-kỳ-giang hồi tháng 3 năm nhâm-dần (1782) và 2 người I-pha-nho là Manoe và januario, năm quý-mão, 1783, phụng mạng đi Lữ-tổng (Luçon) cầu-viện, không may ra đến bờ gặp binh thuyền Tây sơn bắt được đều bị hại cả.

Khi bấy giờ vua Nguyễn đã được binh rông tướng mạnh và nhiều khí-giới tối tân do đức thầy Bá-Đa-Lộc đưa sang cùng những võ quan anh-tuấn người Pháp mà đức thầy đã chiêu dụ

về Gia-định đó luôn với hơn một muôn quân sĩ tập rèn theo trận pháp Âu-tây. Lại có một trường quân học tập ở Saigon để huấn luyện những người làm cai và đội. Đức thầy thì luôn luôn ở bên cạnh vua Nguyễn, như bậc tể tướng quân sự. Chỉ có một mình đức-thầy khuyên bảo sẵn sóc tất cả mọi việc từ nội chính đến ngoại giao và không có buổi hội nghị nào về quốc sự và quân-sự mà đức thầy không dự. Nhiều trận thế quan trọng đều do đức thầy định-đoạt kế hoạch cả. Riêng đức thầy có một toán quân riêng hạ vệ. khi đi đâu thì có một lá cờ nhiều đồ lớn đi trước. thế cũng đủ rõ là Đức-thầy có quyền hiệu-lệnh tướng-sĩ.

Thời thường cứ ban ngày thì đức thầy giúp Vua Nguyễn về việc binh việc nước và đêm thì cặm cụi phiên dịch những sách về kinh tế và chính trị ra tiếng ta để Vua Nguyễn xem.

Đức thầy vốn cũng đã muốn hóa cho Vua Nguyễn nên một bậc đế-vương mới của nước Nam vậy. Khắp trong xứ từ quan chỉ dân trọng đãi đức thầy như bậc thần minh. nên đã tặng chữ «*lạy - thờ vỹ nhân và Nam - triều thượng-khách*» vậy.

Tuy nhiên, có một số nhiều các quan ta tại triều, đem lòng ghen ghét và khích-bác đức-thầy luôn, nên mấy phen Nguyễn-Vương muốn đem xử trảm thì đức thầy lại hết sức can ngăn cho được khỏi chết. Ngoài ra có đến gần 40 ông quan bị tội đáng phải chém nhưng nhờ được đức thầy xin Vua tha cho.

Cũng vì sự ghen-pha của các quan, nên Vua Nguyễn lại không muốn để cho đức thầy dạy Đông-cung Cảnh như trước nữa và một độ ngài đem Đông-về giao cho các quan ta rèn tập kinh sử thánh hiền, song vì Đông-cung chẳng chịu, nên cách ít lâu lại giao giả cho đức thầy.

Các Pháp quan mới, bắt tay làm việc năm Kỷ-đau, 1789: Le Brun họa kiêu và Oliviet xây - đắp lại thành Sài-gòn cùng các nơi trọng-yếu khác như Vĩnh long, Hà-tiên, Châu-đốc Biên-hòa, Bà-rija theo lối Vauban rất kiên-cố. Sau vua lại sai Olivier xây đắp luôn cả thành Diên-Khánh nữa, rồi đến

tháng 11 năm Quý-sửu (1793), sai Đông-cung Cảnh cùng đức thầy Bá-Đa-Lộc và Phạm văn-Nhân ra trấn thủ.

Olivier lại còn tổ chức được một cơ binh 600 người theo chiến pháp Âu-châu và có thêm 4 cỗ súng khóa sơn đặt trên lưng ngựa làm cho quân Tây-sơn thất đẫm kinh hồn đến nỗi phải treo giải thưởng một vạn quan tiền và một nén vàng cho kẻ nào lấy được đầu Olivier là ông Tín.

Tháng 3 năm nhâm-thân, 1792, J. M. Davot và Vannier cùng với bọn Lê Văn Duyệt và Nguyễn văn Trương đem thủy quân ra đánh phá quân Tây-sơn ở Thị nại sau khi đốt phá thủy-trại của quân địch rồi lại thẳng buồm về Gia-Định.

J. M. Dayot có một lần, làm chúa tàu «*Donnaie*» không may tàu bị gió bão bạt vào bãi bồi; các quan ta tha hồ lên tiếng gièm pha và khếp tội. Dầu lúc đó Dayot không có mặt ở tàu mình, nhưng rồi chung quy J. M. Dayot cũng bị «*gông cùm*». J. M. Davot phẫn uất đến cực điểm, nhất định bỏ đi; đức thầy Bá-Đa-Lộc hết sức can ngăn cũng không thể được.

Các quan người Pháp bấy giờ ai ai cũng phò tá vua Nguyễn đắc lực cả, song từ đức thầy cho tới các người khác đều bị các quan ta ghen ghét gièm pha mà lương bổng thì cũng không được túc dụng cho lắm. Lương bổng bấy giờ chỉ phát bằng tiền đồng hay tiền kẽm chứ bạc thì không có.

Dù sao mặc lòng, vua Nguyễn từ khi được sức giúp-đỡ của đức thầy Bá-Đa-Lộc và mấy chục người nước Pháp như thế, thì thắng Tây-sơn hẳn là sự đã cầm chắc rồi. Có điều đáng tiếc là trong khi được tiếp-xúc một cái cơ-hội hoàn-cảnh tốt đẹp như thế, mà ngài không để ý đến lực-lượng, học thuật và văn-hóa nước Đại-Pháp để lợi dụng, dựa vào mà cải-cách cho nước ta và dân ta được nhờ ngay từ hồi ấy. Đọc đến đoạn lịch-sử này, không ai khỏi lấy làm ngán-ngờ và tiếc vậy.

Tiếc hơn nữa là đến ngày 11 tháng 9 năm kỷ-mùi nhâm-ngày 9 Octobre 1799, đức thầy Bá-Đa-Lộc đi tông-chính rồi mệnh-một ở Mỹ-cang (giữa đường từ Thị-nại đến Qui-nhon), rồi kể đến năm



Tân-dậu (1801) Đông-cung Cảnh cũng  
ôn dậu rồi mất ở Gia-định 1

Sau trận toàn thắng của vua Nguyễn  
ở cửa Thi-nại ngày 19 tháng giêng năm  
tân-dậu nhằm 24 Février 1801, thì đến  
ngày mồng 3 th ng 5 (Juin 1801) đứu  
vua đã khắc-phục Phú-xuân.

Sang đến năm sau, ngày mồng 2 tháng  
5 năm nhâm-tuất nhằm ngày 1er juin  
1802, ngài lên ngôi Hoàng-đế, đặt  
niên-hiệu là GIA-LONG, quốc-hiệu là  
VIỆT-NAM. Cách đó 20 ngày, ngài  
ngự giá ra bình-định Bắc-hà, ngày  
tháng 6 năm ấy nhằm ngày 22 Juillet  
1802 hạ thành Thăng-long, đổi tên Bắc-  
hà làm Bắc-thành, rồi Thỉnh-giá hồi  
loan về Huế.

Thế là Nam-Bắc nhất-thống từ đây.

Lúc này những cụ-thần người Pháp  
còn lại ở Huế chỉ có Chaigneau và Van-  
nier, ngoài mấy năm mồi của De Forçant  
và Barlsy.

Chaigneau và Vannier đều kết duyên  
với con gái Phú-xuân và đã có đồng  
con. Song sau khi đức Gia Long thắng  
hà, đức Minh-Mệnh lên nối ngôi, thì  
những mối cớ-mình xưa nay đã phải  
lạt nhiều, và trong nước gặp lúc thái-  
bình thịnh-trị, tất nhiên không còn  
« cần » gì đến các việc võ bị nữa. Hai  
chiếc chiến thuyền « Long-phi » và  
« Phụng-phi » kia chẳng dùng đến nữa,  
nên cũng bỏ liêu; hai chúa tàu « Long »  
là Chaigneau và tàu « Phụng » là Van-  
nier cũng bị bạc-đãi cho đến ngày 16  
tháng 8 năm Minh-Mạng thứ 5, nhằm  
ngày 8 Octobre 1824 vua Thánh-Tổ  
xuống chiếu cho Nguyễn văn-Thắng là  
J. B. Chaigneau và Nguyễn văn-Chấn  
là Philippe Vannier tri-sĩ về Pháp.

Hai người chán nản buồn-rầu đưa

**Ô mai Tiên Lợi**  
ngon lành  
**Và lơ Tiên Lợi**  
nồi danh ở đời  
Bốn trăm linh bày  
Bạch-mai. Hỏi thăm cho  
đến tận nơi mua dùng

gia - quyển vở Đà - năng đời từ 17  
Novembre cho đến 11 Décembre mới  
gặp ghe hầu « qui giang » vô đất Gia-  
định để đón tâu về cố-quốc.

NGUYỄN TRIỆU  
HẾT

1) Ba-Thắc ở vào miền Bãi - xan  
gần Socrang Nam-kỳ

2) Mán-Thít ở gần Vũng - Liém  
hạt Vĩnh-Long Nam-kỳ

3) Mộ Cha văn-Tiếp trước ở làng  
An Hội, sau lại di táng về Hắc-Lăng  
ở hạt Baria Nam-kỳ và có lập miếu  
thờ, mộ và lăng nay hãy còn.

4) Cỏ-cốt là một đảo lớn trong  
vịnh Xiêm ở miền duyên - hải nước  
Xiêm, trong địa-dồ viết là Kos - kut  
trên đảo Kos-kong.

5) Sách này là của bạn thân Long-  
diễn Nguyễn văn-Minh cho mượn, vậy  
xin có lời trân trọng cảm tạ bạn.

6) Mộ đức cha Liot nay cũng còn  
và ở ngay cạnh lăng cha-Cả là mộ  
đức thầy Bá-da-Lộc ở gần Saigon.

7) Thực lục chép Hoàng tử Cảnh  
sinh vào tháng 3 năm Canh-tý, theo  
sách cổ Launay thì là Avril 1779 và  
Ch. B Maybon thì chép là Mars hay  
Avril 1780.

8) Bức thơ này hiện còn giữ tại bộ  
Ngoại-giao bên nước Pháp.

9) Nhà Họa-sĩ thời bấy giờ là  
Mauperin có vẽ hai bức truyền - thần  
Hoàng tử Cảnh và Đức thầy Bá da  
Lộc, hiện nay còn cả ở thư-viện của  
Hội Société de Géographie de Paris.

10) Cũng có nơi chép là chỉ vì Đức  
Thầy làm mất lòng tình - nhân của  
Conway, nên vì đó mà Conway làm  
lỡ một việc to tát như vậy.

|     |                   |          |
|-----|-------------------|----------|
| 11) | Xem Tri-Tân số 23 | trang 11 |
| 12) | » » » 16          | » 12-13  |
| 13) | » » » 19          | » 15     |
| 14) | » » » 21          | » 14     |
| 15) | » » » 21          | » 14     |
| 16) | » » » 21          | » 14     |
| 17) | » » » 21          | » 14     |
| 18) | » » » 22          | » 19     |
| 19) | » » » 24          | » 14     |
| 20) | » » » 13          | » 12-13  |
|     | và số 14 trang 9  |          |
| 21) | » » » 19          | » 16     |
| 22) | » » » 21          | » 14     |

## Đính chính

Trong bài « Phiên dịch cũng là  
một cách đào luyện văn-chương »,  
đăng T. T. số 49, có in lẫn nhiều  
chỗ, nay xin đính-chính lại :

Trang 5, cột 1 — dịch Hén văn  
sâu xuất, xin chữa lại :... siêu xuất

Trang 5, cột 2 — bạn Trúc Hà,  
xin chữa lại: Ông Trúc Hà.

Trang 5 cột 3. — bạn Trúc Hà,  
xin chữa lại: Ông Trúc Hà.

Trang 6, cột 2. — từ trung cổ đến  
tân kim thời đại, xin chữa lại :...  
cận kim thời đại

Trang 6, cột 2 — Uy Lạp, xin  
chữa lại : Hy Lạp. — thuyết tôn  
nghị, xin chữa lại : thuyết tôn nghi.  
— thuyết chánh trị tam quyền,  
xin chữa lại : thuyết chánh trị  
tam quyền. — thuyết thiên diễn  
của Carwin, xin chữa lại : Darwin.  
— học hỏi về một thuyết lợi  
lạc, xin chữa lại : học hỏi về nội  
một thuyết... — thuyết triết học  
điều hòa của Haut, xin chữa lại :...  
của Kant. — thum khảo, xin chữa  
lại : tham khảo. — Lợi học chánh  
tây, xin chữa lại : Lợi học chánh  
tông. — Hà lễ thi dịch, xin chữa  
lại : Hà lễ Chi dịch.

Trang 6, cột 3. — Sơn biển tri  
xuân dịch, xin chữa lại : Sơn biên  
Tri xuân. — Bên sơn đẳng thứ lang,  
xin chữa lại : Bên sơn đẳng thứ  
lang. — Từng môn loại loài nguyên  
văn, xin chữa lại : bài nguyên văn

Trang 7, cột 2. — những cái khó  
rất kỳ thu, xin chữa lại : rất kỳ  
khu. — những cái khuôn của phép  
hành văn, xin chữa lại : những cái  
khuôn cùm của phép hành văn.

## Rao vặt

Cần mua 9 số Nam-Phong cũ : 2,  
3, 5, 8, 9, 10, 13, 14, 18.

Bạn nào có số nào xin cứ làm ơn  
để lại cho số ấy. Chúng tôi sẽ đáp  
lại bằng tiền hoặc bằng sách báo  
mới : xin tùy ý bạn muốn.

Hỏi tại tòa báo Tri-Tân.



## Chuyện thơ

«Thì khuyên cháu hăng  
gượng nghe ai...»

Vào quãng cuối thế-kỷ trước, Hán-học còn đang thịnh, thơ nôm tuy không có báo chí đăng tải như ngày nay, song không phải là ít người để ý đến, mà trái lại, thơ nôm bấy giờ được nhờ ở Hán-học, sản-xuất được nhiều bài kiệt tác.

Ở một làng kia có một ông khóa vào bậc hay chữ, tên là Giá. Ông khóa có một cô cháu gái, tên là Gành, cũng vào bậc giai nhân trong vùng ấy.

Thời bấy giờ các ông đồ ngấp-nghe món nào thường hay làm thơ gửi cho ý trung nhân. Cô Gành cũng đã nhận được nhiều thơ, mà mỗi lần cô nhận được bài thơ nào thì lại chuyển đưa cho ông cậu, tức là ông khóa Giá, xem, đề nếu nên giá nhờ lui nhờ cậu họa thơ hộ. Mà mỗi lần cô có thơ đưa cho ông khóa xem thì cô đều không quên sửa rượu đề cậu soi cho này từ.

Một lần, có ông khóa Tư đưa cô một bài thơ, bài này tôi chưa chép được. Bài thơ đó được ông khóa Giá đáp lại như sau này:

Xưa nay băng tuyết vốn nhà dòng,  
Vì sợi tơ tình hóa chữa xong.  
Những cây di Giáng cùng chị Gió,  
Sá gì cái kiến với cùn ong.  
Nhìn qua tướng ấy sao không hổ?  
Lấy được quán này cũng phải long!  
Cậu khóa Tư tình chi bận bịu,  
Ấu đành chờ đợi đứng Thiên-công.

Sau đó ít lâu, cô Gành đi lấy chồng. Khóa Tư liền làm bài thơ sau này đưa lại cho khóa Giá, gọi là đáp lễ bài thơ trên:

À Gành từ gặp hội duyên hải,

Cái cuộc chàng Lưu gác nệm nai:  
Ngán nỗi cóc bò rình miệng chén,  
Buồn tình dện kéo bá lưng chai!  
Lấy gì bầu-bạn khi khuya sớm,  
Mà khéo nôm-na chực mĩa-mai!  
Giá biết không mỗi câu khó đỡ,  
Thì khuyên cháu hăng gượng  
nghe ai!

Khóa Giá xem xong bài thơ, vác gậy lại nhà khóa Tư: hai khóa choảng nhau!

Nghe xong chuyện này, tôi bất giác phải ó-hô ma than bằng hai câu nhái lại vần thơ tuyệt-diệu của Thuợng Trữ:

Gớm nhỉ, bút nghên mà gậy-gộc!  
Hương ôi, thơ-thần cũng phong-trần!

## KHÓA HỌC

Nói thêm về bài thơ  
«Phổng Đả».

Vừa đây, tôi được một bạn làng văn nhân đọc mấy bài bàn về thơ «Phổng Đả» trong Trí-Tân, có cho hay rằng, theo chỗ ông biết, câu từ trong bài thơ của cụ Yên-Đồ như sau này mới đúng:

«Bề cợn, non mòn, có biết  
không?»

Thấy nhời nói có lý, vậy xin chép lại bài thơ «Phổng Đả» ra đây:

«Ông đừng làm chi đấy, hỡi  
ong?»

Tơ tơ như đá, vũng như đồng!  
Đêm ngày coi-sóc cho ai đó?

Bề cợn, non mòn, có biết  
không?»

để xin thất-chính cùng các bậc cao-minh thấy rộng, nghe nhiều hơn.  
N. P

## Đợi Gió

Gởi Anh-Thơ,  
Mấy vần thơ đợi gió.  
Lòng xuân thắm đỏ,  
Lòng thuyền nho-nhỏ,  
Đợi nước triều lên...

Triều đã lên rồi, trăng cũng  
lên;  
Trăng lên rồi đó. Gió chưa  
lên!

HÀ-TIÊN, MỘNG-TUYẾT

Mặt nước hồ nằm say giấc mơ,  
Lòng gương không vương  
gợn mây mờ,  
Khói chiều đứng thẳng trên  
quan tài.  
Hương tỏa hờn hoa ướp cỏ  
bờ.

Cánh gấm bướm ai buong  
trắng tình  
Phơi nền trịnh-bạch giữa trời  
xanh,  
Cầm sáo bên cù buồn lơ-lửng  
Chờ mộng muon phương,  
mộng viên trầu.

Trời Bắc bên kia đương ngóng  
trong  
Sông Thương, sông Nhuệ mơ  
đôi long.  
Xuôi chèo Nhâm-tuất theo  
trang lạnh!  
Mở yến Đào-viên chước chén  
nong.

Gió gác Đàng-vương chẳng  
thời đưa  
Cho thuyền đợi gió. Đền bao  
giơ  
Cho bướm Vương Bột trong  
giay pầu.  
Nghìn dặm bay sang bên ợ  
chờ.

Khi xuân thắm đượm khắp nơi  
nơi,  
Vạn-vật đem xuân trả lại đời  
Mà chẳng trả cho thuyền tí gió  
Để thuyền thương nhớ những  
phương trời  
MỘNG-TUYẾT



Một lời thử tài học-trò nho xưa

# MỘT LÃO ĐỒ ĐIÊN

của CHU-THIỆN

**M**ỘT hôm, vào giữa mùa thu êm-mát, buổi học sớm sắp tan, học trò sắp-sửa về, còn rảnh ở lại nghe nhời chỉ-dẫn của ông đồ về một bài phú. Chợt ở đâu đưa đến một người đàn ông đã nhiều tuổi, đầu quấn khăn tam-giang đã bạc màu, mình mặc cái áo vải già đã sờn rách và chiếc quần nâu bạc, chân đi đôi dép da loèp-quèp, tay khoác cái non sơn đã long-lở, phe-phẩy đi vào, trông có vẻ ngang-tang lắm, không có dáng-diện người ai ăn xin, mà cũng không ra vẻ khách-khưa làng nọ nọ làm. Người ấy sông-sộc vào nhà. Học trò không hiểu thế nào, còn mãi ngạc-nhiên chưa kịp chào; ông đồ cũng lấy làm lạ. Người ấy đã nghiễm-nhiên ngồi ngưỡng ngồi trên trường-kỷ, không chào hỏi ai, rung đùi ngâm một câu :

— Giáo-huấn chính tặc, vô lễ bất bị (1).

Ông đồ tức tím mặt lại, các học trò sợ hãi, khép-nép, kẻ đứng dậy đi tìm giầu, kẻ đi lấy điếu, đốt đèn mang lên; người đi rót nước bưng đến, mời chào rất cung kính. Người lạ mỉm cười lại nói :

— Cung nhi vô lễ tắc lao ! (2)

Ông đồ từ nãy đến giờ ngồi im, lúc này mới nói :

— Nhập gia bất vấn tắc mạn. Ký vi nho-giả, hồ bất tri Thánh-nhân nhập Thái-miền mỗi sự vấn ? (3)

Một sự im-lặng nặng-nề. Ông đồ chăm-chăm nhìn người khách lạ. Người này vẫn tươi cười hơn-hở trông ra ngoài sân. Các học-trò ngơ-ngác hãi-hùng chờ cuộc đấu khẩu gay-goe giữa ông đồ và người khách. Có tiếng thì-thầm :

— Này mày ! Hay là lão đồ điên Nam-Thượng đấy ?

— Không, giọng lơ-lơ, có lẽ đồ Nghệ !

— Không phải, đồ bễ đấy. Năm ngoái ông ta đã vào trường cụ Tú Hai bên Nguyệt-Điện.

Rồi lại im ngay. Hai trò đều quay nhìn dồn cả về ông đồ và ông khách. Ông khách chợt tươi cười quay mặt lại, hỏi ông đồ :

— Thưa thầy, thế nào là liên học lễ, hận học văn ?

Ông đồ hỏi lại :

— Thưa ông, thế nào là đáo giang tùy khúc, nhập gia tùy tục ? (4)

Ông khách không giả nhời, hỏi lại :

— Vậy thầy đây dạy trẻ những gì ?

— Thưa ông, tôi dạy học, dạy làm văn, làm bài, làm thơ, làm phú, dạy học trò sắp-sửa đi thi.

Ông khách vẫn tươi cười nói :

— Tốt lắm. Thầy dạy chu đáo lắm. Nhưng có điều cần nhất, thầy quen.

Thấy khách nói hòa nhã từ-tốn, ông đồ bèn dịu nhời nhận lời :

— Bầm cụ, cụ đến đột-ngột quá vào giữa lúc học trò dọn dẹp sắp ra về, nên mới có điều sơ-suất vậy. Vả, lúc này học trò đang bận tập bài văn đề đầu tháng này xuống thi ở nha quan Huấn.

— Được lắm ! Ra các cậu học trò đây đều sắp sửa đi thi nay mai kia đấy ?

— Bầm cụ, nhà cháu dạy đủ lễ-lối văn chương rồi, chỉ còn luyện tập tính vi đến sang năm đi hạch, rồi xuống tập quan Huấn hay vào tập quan nghề Phạn-xá ít lâu để kịp khoa thi Mão sắp tới.

Ông đồ tươi cười nói với một vẻ thỏa thích. Nhưng ông khách hơi cau mày hỏi :

— Thưa thầy, như thế, các cậu học đã giỏi lắm nhỉ ?

— Bầm cụ, chưa lấy gì làm giỏi,

## Sách khảo cứu

*Truyện đức Khổng-tử.*— Thuật trọn đời hy-sanh và tận tụy về phong-hóa, đạo-nghĩa của đức thánh Khổng. Ngài là một mảnh gương học hỏi, cường quyết, thanh bạch.

Trọn bộ 1 quyển : 1p.00

*Mấy thầy tu huyền bí.*— Ở Tây-tạng và Mông-cổ. Biên những cách luyện đạo của các nhà tu trì nơi non cao đồng vắng, những phép huyền linh cực hạng người thẳng phực thân tâm.

Trọn bộ 1 quyển : 1p.10

Gửi mandat thêm cước phí 0p.55

M. Đoàn-Trung

148 RUE LOUVAIN SAIGON



nhưng cũng đủ sức làm bài. Bấm cụ, bài của các trẻ đây.

Ông đồ lại đưa các vở bài ra cho khách xem. Khách thông-thả mở qua các giòng giấy. Ông đồ hỏi :

— Bấm cụ, quy quán ở đâu ta ?

— Ấy tôi đi qua, thấy đây có trường học, ghé vào chơi hầu thầy. Thầy cho phép tôi hỏi các cậu ấy mấy câu ?

— Bấm vâng, xin rước cụ chỉ giáo...

Ông khách quay lại học trò :

— Lão thấy nói các cậu sắp đi thi, lão kính phục lắm, nên lão muốn cùng các cậu đàm luận một lúc cho vui. Lão bây giờ già rồi, không còn được may-mắn như các cậu đi học, đi thi nữa, lão tiếc quá. Các cậu đối hộ câu này nhé, lão nhai dập bã giầu này là phải xong vì lão vội lắm.

Các học trò lăm-lét nhìn nhau, rồi đều nói :

— Bấm cụ, vâng ạ !

Ông khách ra :

— *Cây xương rồng, giồng đất rắn long lại hoàn long (chữ long nghĩa là rồng).*

Các học trò im lặng ngồi nghĩ, mặt anh nào cũng đực ra. Ông khách bôm-bôm nhai giầu, đã tàn miếng giầu, thè ra môi, giờ hai đầu ngón tay, cầm lấy bã ném tọt ra sân rồi giục :

— Thế nào, xong chưa, các cậu ?

Chỉ có mình Tâm đứng dậy thưa :

— Bấm cụ, con xin đối ạ :

*Quả dưa chuột, trượt mồm mèo, thử gì mà thử ? (chữ thử là chuột)*

Ông cụ lắc đầu :

— Hơi được, nhưng không chính

mà lại sượng. Ấy, thảo nào ! Bé mà hay chữ tất dễ khinh mạn. Còn các cậu kia. Không đối à ? Thôi quá hạn rồi. Các cậu làm giúp tôi bài thơ này : « *Chỉ tiền nhi mưu đại* » lấy vần *mưu*, các cậu có biết chữ đâu không ?

Học trò ngơ-ngác nghĩ không ra.

Ông đồ phải bảo :

— Chữ kinh Dịch, thiên *Hệ-lư hạ*, câu đức Thánh nói « *Đức bực nhi vị tôn, chỉ tiền nhi mưu đại, lực tiền nhi nhậm trọng, tền bất cập hi* » (1), học rồi mà đã quên :

Ông khách chữa :

— Ấy vì kinh Dịch chúc-chắc khó nhớ.

Học trò ngồi nghĩ mãi, lại gần vần *mưu* rất khó gieo, nên viết đi xóa lại mãi không thành. Mãi quá trưa, mới được mấy bài đưa lên, ông khách xem qua rồi quăng giấy, không chấm, ông lại bảo :

— Hằng đề bài thơ đấy, các cậu làm giúp tôi bài phú này nhé : « *Giọt lư nóc giọt xoong*, » dĩ đề tự vì vần.

Thật là bài phú oái-oăm và mai-mĩa. Ông đồ tức lắm. Từ câu đối đến bài thơ, bài phú, đều một giọng khuyên răn khỉnh-miết. Nhưng biết làm thế nào ! Chả nhẽ ông đi làm hộ học trò à ! Ông đành ngồi mà xem cái lão gười đánh nó hạc sách thế nào. Cả ông đồ và học trò mãi tức tối khó chịu quên cả ăn uống và mời khách. Bỗng ông kia đứng dậy chào ông đồ rồi đi ra. Họ cố giữ thế nào, ông cũng không ở. Ra đến sân, ông nghe-ngao đọc :

— *Học kinh bất minh bất như quạ canh* (6)

Người khách đi khỏi rồi, ông đồ mới trút cơn tức bực ra, mắng học trò tàn-tệ, sau cùng ông dịu giọng lại nói vuốt hậu :

— Nhưng với cái thằng điên ấy không kể làm gì. Nó chỉ đi tìm những vần, những chữ khôn khổ để thử người ta. Đem lử vận mà hỏi, thì đến bố nó cũng không làm nổi !

Nói vậy chứ ông đồ cũng không biết người khách lạ kia tung tích thế nào, quê quán ở đâu. Mà cả vùng ấy, học trò đã đi dò hỏi khắp cũng không biết hành tung con người bí-mật kia ra sao.

CHU-THIÊN

(Trích trong cuốn *Bút Nghiên*)

1) *Dạy bảo sửa đổi phong tục, không có lễ không đủ (chữ sách Lễ-ký).*

2) *Cang kính mà không lễ thì phiến (chữ sách Luận-ngữ, tiên Thái-Bá)*

3) *Vào nhà không hỏi là khinh-nhòn. Đã là nhà nhỏ, sao không biết đức Thánh-nhân vào nhà Thái-miếu mỗi việc đều hỏi. (Thánh nhân là Khổng-tử, vào nhà Thái-miếu việc gì cũng hỏi trước để tỏ ra kính cẩn).*

4) *Đến sông theo khúc, vào nhà theo thói (tục-ngữ).*

5) *Đức mỏng mà ở ngôi cao, chỉ nhỏ mà mưu việc nhớn, sức nhỏ mà gánh việc nặng, ít khi thành được.*

6) *Học kinh sách mà không rõ thì không bằng quay về đi cày.*

## Trúc mai xum-hợp...

(tục Thoát cung  
vua Mạc)

Đề tiếp với truyện « Thoát cung vua Mạc » đã đăng trước, Tri Tân sẽ lần lượt hiển các bạn thân-yêu một thiên tiểu-thuyết dài của Chu-Thiên, có tính-cách lịch-sử, rất ly-kỳ, rất biến-ảo, rất lý-thú, trong ấy các nhân vật ở T. C. V. M. sẽ đoàn-viên xum-hợp bởi những trường-hợp đột-ngột vượt ngoài trí tưởng-tượng của người đọc.

Các bạn đón coi từ một số tờ

SẮP IN XONG

# CHỦ NHỎ HỌC LẦY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

ĐÔNG-TÂY thư quán, 196 hàng Bông Hanoi xuất bản



**QUỐC-HỌC THU-XÃ**

Đã phát hành

**THI - THỌ AI**

Một kho tài-liệu vô giá của các nhà thơ, các nhà  
yêu thơ, các học-giả nghiên-cứu thi-học, văn-học

Giấy non 300 trang giá 2p00

Giấy bouffant và giấy lệnh thượng hạng  
mỗi thứ còn hai bộ giá 4p00

Thư và ngân phiếu đề

**M. LÊ VĂN-HỒE** giám-đọc **QUỐC-HỌC**  
**THU-XÃ**, 16bis *Tiến Tsin* **HANOI**

**CHÚ Ý**

Các bạn mua báo và các đại-lý nhớ  
gửi tiền về trả cho, đa tạ. *Tri - Tân*

**SÁCH CỦA NHẬT-NHAM****Trịnh - Như - Tấu :**

- 1 - Hưng yên địa chí Op.80
- 2 - Bắc giang địa chí 1 50
- 3 - Trịnh gia chính phủ 0.40

Đều có bán tại Đông Tây  
thư quán

195 Phố Hàng Bông - Hanoi

Các bạn  
cầu may !

bỏ 1 đồng

mua vé số

**Đông - Pháp**

biết đâu không trúng  
số độc đắc 10 vạn

Mời xuất bản :**DANH NHÂN  
VIỆT - NAM**của **PHAN TRẦN-CHỨC**Trong tủ sách **Tao Đàn**Nhà **TÂN-DÂN** xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1

Mỗi quyển bản thường : 0 \$ 7 0

Bản đặc biệt giấy lụa đỏ : 4 \$ 0 0

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước  
mỗi quyển là 0p,30. Không gửi tình hóa  
giao ngân. Mandat đề tên ông **VŨ**  
**ĐÌNH-LONG** 93, Rue du Coton - Hanoi

Đã có bán**Bút Nghiên**

của

**CHU-THIÊN**

Tất cả mọi khung cảnh của trường học cổ,  
mọi phong tục, mọi hoài-vọng của xã hội nhà  
nho, với những biến-cải ở tâm trạng người xưa  
trông đời đi học, từ khi « vỡ lòng » đến khi đỗ  
đạt, qua các kỳ thi Hạch, thi Hương, thi Hội,  
thi Đình, đều được ghi chép lại rất công-phu,  
rất cặn kẽ, rất tỉ-mỉ và rất lý-thú, để đánh dấu  
lấy một thời đại long trọng của ngày xưa mà  
nay không bao giờ còn có nữa.

Dày 400 trang, giá 2\$00

Mua một quyển gửi tiền về trước. thêm 0p,60  
tiền cước.

**HÀN THUYỀN XUẤT BẢN CỤC**71 phố *Tiến Tsin* HanoiDirecteur: **Nguyễn Tường-Phượng**Imp. Spéciale du *Tri-Tân* HanoiAdministrateur Gérant : **Dương Tu-Quán**